

CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI
KHÁNH MY



BÁO CÁO CƠ SỞ ĐẦU TƯ
“XUỞNG CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU”

Địa điểm: Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, 2025

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI KHÁNH MY

----- & -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
“XUỞNG CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU”

Địa điểm: Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI KHÁNH MY

GIÁM ĐỐC



Trương Thị Ngọc Dung

Bình Phước, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC HÌNH.....	vi
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1. Tên chủ cơ sở.....	7
2. Tên cơ sở.....	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	8
3.1. Công suất của cơ sở.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	13
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:.....	13
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở.....	14
4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện.....	15
4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước.....	16
4.5. Nhu cầu sử dụng lao động.....	19
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	19
5.1. Vị trí địa lý.....	19
5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở.....	20
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	22
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	23
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	23
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	23
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	24

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	24
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	24
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	24
1.3. Xử lý nước thải.....	25
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	26
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	30
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	32
5.1. Nguồn phát sinh.....	32
5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	35
6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại.....	35
6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ.....	35
6.3. Sự cố về hóa chất.....	37
6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải.....	37
6.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với máy khí nén.....	48
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	49
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	49
1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải.....	49
1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:.....	49
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	49
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	50
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải.....	51
4.1. Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh:.....	51
4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	52
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SƠ SỞ.....	54
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	54
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải.....	54
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....	54

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải	56
5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	57
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	59
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	59
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	59
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	59
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	60
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	60
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	62
CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	63
PHỤ LỤC BÁO CÁO	64

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	Bê tông cốt thép
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CP	Chính phủ
CTR CNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
MTV	Một thành viên
NĐ	Nghị định
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TSS	Chất rắn lơ lửng
Stt	Số thứ tự
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
GPXD	Giấy phép xây dựng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất của của Cơ sở.....	9
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở.....	14
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở.....	14
Bảng 1. 4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở hiện tại.....	15
Bảng 1. 5. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở sau khi nâng công suất.....	15
Bảng 1. 7. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở.....	17
Bảng 1. 8. Vị trí tọa độ của Cơ sở.....	19
Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	20
Bảng 1. 10. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở.....	22
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt.....	27
Bảng 3. 2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty.....	29
Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh.....	30
Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	31
Bảng 3. 5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới.....	32
Bảng 3. 6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	33
Bảng 3. 7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số.....	34
Bảng 3. 8. Một số sự cố điển hình với lò hơi.....	39
Bảng 3. 9. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	47
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất lượng khí thải của cơ sở.....	50
Bảng 4. 2. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	51
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại khu vực cổng.....	55
Bảng 5. 3. Kết quả không khí tại khu vực làm việc.....	55
Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	59
Bảng 6. 2. Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	59
Bảng 6. 3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	61

Bảng 6. 4. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	62
--	----

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Hình ảnh cơ sở.....	7
Hình 1. 2. Quy trình sản xuất hạt điều nhân.....	11
Hình 1. 4. Hình ảnh minh họa sản phẩm của cơ sở.....	13
Hình 1. 5. Vị trí cơ sở trên bản đồ.....	20
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở.....	24
Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải.....	25
Hình 3. 3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn.....	25
Hình 3. 4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi.....	26
Hình 3. 5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở.....	27
Hình 3. 7. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	36
Hình 3. 8. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất.....	37
Hình 3. 9. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.....	38

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: BÀ DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0985.132142.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3800368327, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 08 năm 2022 do Phòng đăng Ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp.

2. Tên cơ sở

“Xưởng chế biến hạt điều”



Hình 1. 1. Hình ảnh cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận Bản cam kết Bảo vệ môi trường số 45/GXN-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long cấp.

- Quy mô của cơ sở:

+ Phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công: Xác định theo khoản 3 Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 và thuộc Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công. Cơ sở có tổng vốn đầu tư là 20 tỷ đồng, do đó cơ sở được phân loại **Nhóm C** (Dự án có mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025: Không có.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến hạt điều nhân.

- Phân loại Dự án đầu tư: Cơ sở thuộc Dự án đầu tư Nhóm III, căn cứ theo quy định thuộc số thứ tự 2, mục II, phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 – Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường:

• Căn cứ Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

• Căn cứ Khoản 2, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này*” thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

Do đó, Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở “Xưởng chế biến hạt điều” tại khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường và trình lên Ủy ban nhân dân Thị xã Phước Long để được thẩm định và cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

Công suất sản xuất của cơ sở được trình bày ở bảng sau:

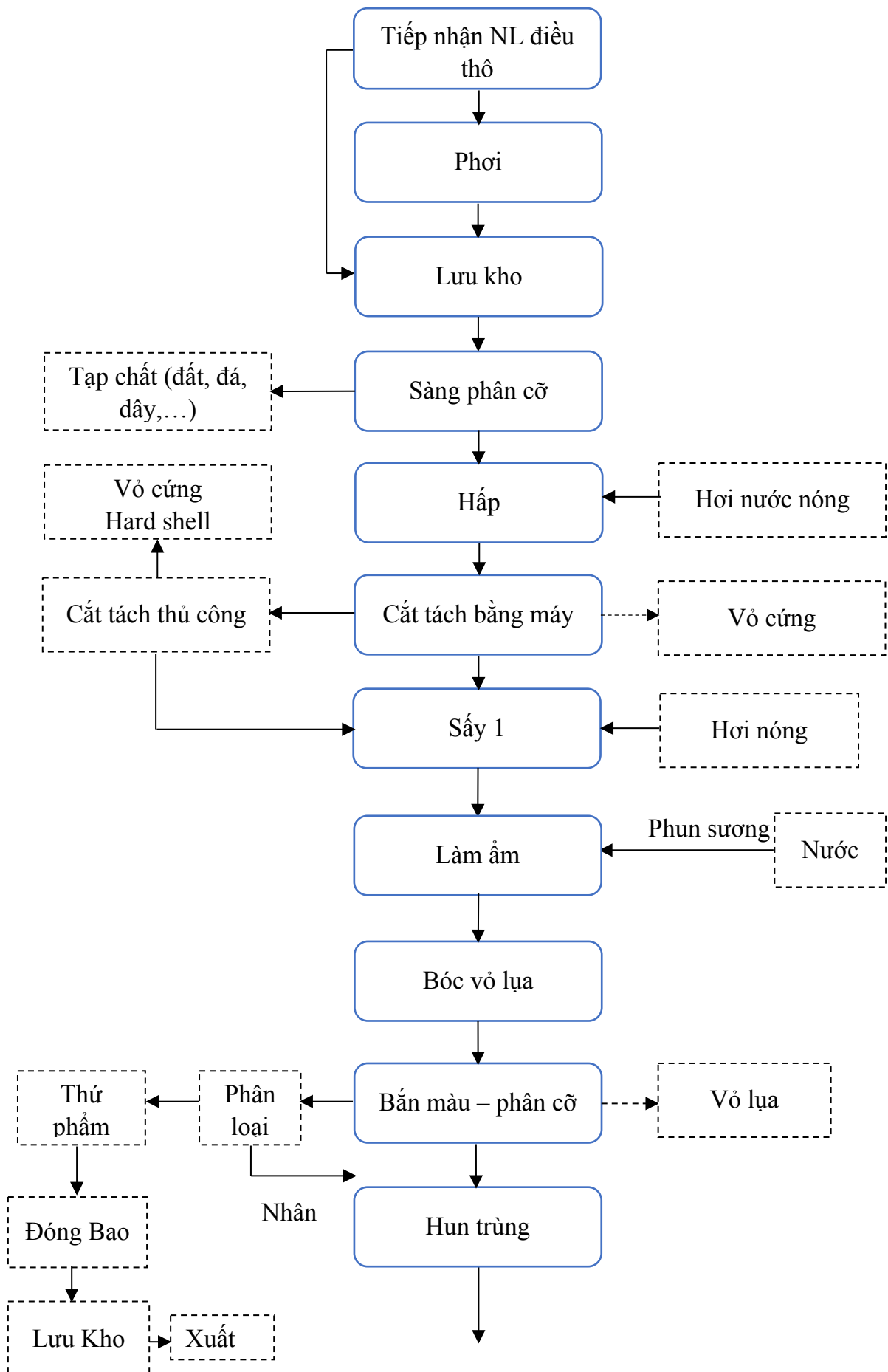
Bảng 1. 1. Công suất sản xuất của của Cơ sở

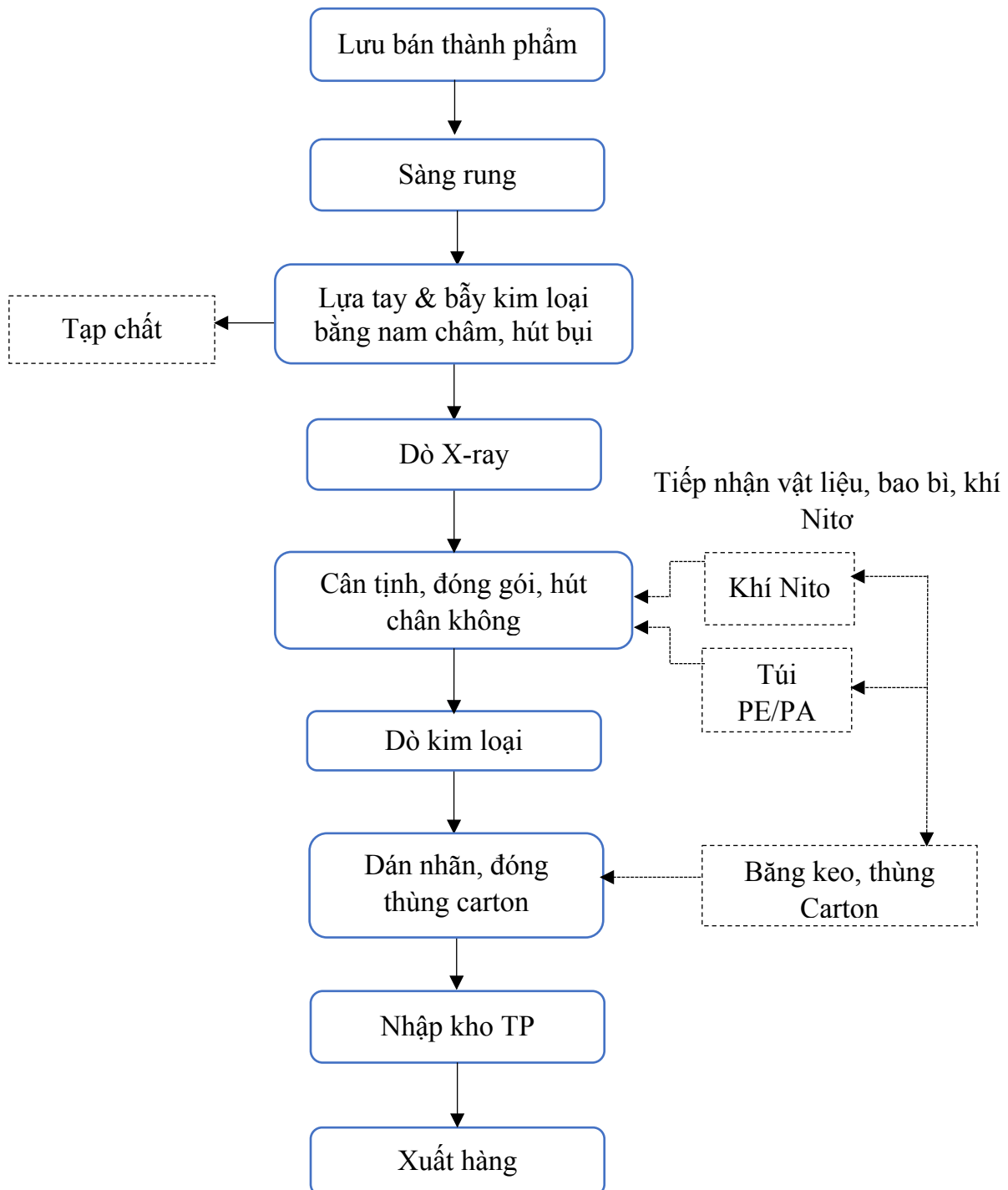
Stt	Loại sản phẩm	Đơn vị	Công suất	
			Theo Bản cam kết BVMT được phê duyệt	Dự kiến nâng công suất
1	Hạt điều nhân	Tấn/năm	225	1.000
Tổng		-	225	1.000

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Cơ sở sản xuất sản phẩm hạt điều nhân, quy trình công nghệ sản xuất được trình bày bên dưới:





Hình 1. 2. Quy trình sản xuất hạt điều nhân

Thuyết minh quy trình

+ Tiếp nhận điều thô nguyên:

Cơ sở nhập nguyên hạt điều tươi bằng xe tải không đóng bao và hạt điều khô bằng xe tải, container đóng trong các bao đay.

Nguyên liệu hạt điều thô được nhận nếu đáp ứng các yêu cầu về mặt cảm quan, tỉ lệ hạt khuyết tật, phế, hư hỏng, cỡ, ...

+ Phơi – Lưu kho:

Nguyên liệu điều thô có độ ẩm $> 10\%$ thì được phơi trong sân công ty đến khi đạt độ ẩm quy định ($\leq 10\%$) cho lưu kho chứa.

Đối với nguyên liệu hạt điều thô khô trước khi nhập kho phải được kiểm tra chất lượng, độ ẩm đạt theo quy định mới tiến hành nhập kho (theo hợp đồng).

Nguyên liệu được lưu trữ trong các bao đay, nhận diện rõ ràng. Kho khô thoáng, sạch sẽ, kín, ...

+ Sàng thô: Nguyên liệu được phân loại sơ bộ bằng các máy phân kích cỡ.

+ Hấp: Nguyên liệu được gia nhiệt đều trong thiết bị xử lý áp suất nhiệt với áp suất $4,0 - 5,0 \text{ kg/cm}^2$ (hấp trong thời gian 20-25 phút đối với điều nhập và 40-45 phút đối với điều trong nước). Sau đó, nguyên liệu được đưa xuống nền làm nguội.

+ Cắt tách: Nguyên liệu được cắt vỏ cứng bên ngoài, tách lấy nhân bằng máy chuyên dụng. Công nhân cắt vỏ cứng bên ngoài, tách lấy nhân bằng phương pháp thủ công.

+ Sấy: Sản phẩm được sấy trong buồng đến khi đạt được độ ẩm sau sấy $\leq 5\%$, nhiệt độ sấy từ $60-75^\circ\text{C}$, thời gian sấy ≤ 24 giờ.

+ Hồi ẩm: Sản phẩm hạt điều sau sấy được đưa vào phòng hồi ẩm có trang bị hệ thống phun sương. Quá trình hồi ẩm được thực hiện trong 20-40 phút giúp hạt điều dẻo lại và giảm độ bề vỡ.

+ Bóc vỏ lụa: Sản phẩm được bóc lớp vỏ lụa bên ngoài với tỷ lệ bề của hàng nguyên là $\leq 3\%$, tỷ lệ sót lụa $\leq 20\%$.

+ Bắn màu – phân cỡ: Phân loại theo màu sắc và kích cỡ hạt.

+ Phân loại – Tái phân loại: Sản phẩm được phân theo màu sắc, kích cỡ quy định. Nếu sau bắn màu, màu sắc và kích cỡ vẫn chưa đạt yêu cầu, nhân điều sẽ được công nhân lựa tay để phân loại. Tại công đoạn này nếu hàng có độ ẩm $> 5\%$ sẽ tiến hành sấy đến độ ẩm quy định.

+ Hun trùng: Sản phẩm được xông hơi trong buồng xông hơi theo đúng liều lượng và thời gian quy định (thời gian 5 ngày, thời gian bay hơi ≥ 48 giờ, liều lượng phosphide với nồng độ 56% , từ 2 – 5 viên/tấn, trọng lượng mỗi viên 3g). Các lô hàng hun trùng có bảng nhận diện, ngày hun trùng, ngày kết thúc.

Phòng hun trùng phải sạch, kín.

+ Lưu bán thành phẩm: Bán thành phẩm được lưu lại trong kho để chờ qua các công đoạn sản xuất tiếp theo.

+ Sàng rung: Các bán thành phẩm được công nhân chuyển lên máy sàng (sàng rung có kích thước các lỗ $6,0\text{mm} - 8,0\text{mm}$) để phân loại những mảnh nhân có kích thước nhỏ và to.

+ **Lựa tay & bẫy kim loại bằng nam châm, hút bụi:** Công nhân dùng nam châm hút các tạp chất như mạt sắt, ốc vít,... và kiểm tra lại kích cỡ, màu sắc theo tiêu chuẩn.

+ **Máy X-ray:** Sản phẩm sau đó được cho qua máy kiểm tra X-ray, nếu hàng còn lẫn tạp chất thì máy sẽ có chuông báo động, đồng thời loại bỏ tạp chất này ra ngoài.

+ **Đóng gói:** Cơ sở dùng bao PE/PA, thùng carton để đóng gói thành phẩm, sau đó sử dụng khí Nitơ để đóng gói và ghép mí gói thành phẩm.

+ **Cân tịnh, đóng gói hút chân không:** Sản phẩm được đóng gói thành các gói theo quy định. Các gói sản phẩm được hút chân không trước khi ghép mí.

+ **Dò kim loại:** Túi PE thành phẩm được đi qua máy dò kim loại. Nếu máy phát hiện tạp chất thì chuông sẽ báo động đồng thời cô lập sản phẩm và xử lý lại.

+ **Dán nhãn – đóng thùng carton:** Thành phẩm được cho vào thùng carton dán nhãn mác đầy đủ thông tin theo quy định.

+ **Nhập kho – Xuất kho:** Thành phẩm được chuyển vào kho, chất gọn gàng lên các pallet chờ xuất hàng. Thành phẩm được bảo quản trong kho thành phẩm theo thứ tự quy định. Khi có lệnh xuất hàng, công nhân chuyển các thùng hàng lên container và xuất bán.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Sản phẩm của cơ sở là các hạt điều nhân với công suất 1.000 tấn/năm.



Hình 1. 3. Hình ảnh minh họa sản phẩm của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của Cơ sở:

❖ Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu của Cơ sở thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu sản xuất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng		Mục đích sử dụng	Xuất xứ
			Hiện tại	Nâng công suất		
1	Hạt điều thô	Tấn/năm	1.080	4.800	Nguyên liệu sản xuất	Việt Nam, Campuchia
2	Bao tay, đồ bảo hộ	Tấn/năm	0,025	0,11	Bao tay nhân viên đóng gói + phân loại	Việt Nam
3	Thùng carton	Tấn/năm	3,68	16,20	Đóng hàng	Việt Nam
4	Bao bì đóng gói	Tấn/năm	0,81	3,60	Đóng hàng	Việt Nam
Tổng			1.084,52	4.819,91	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu, hóa chất của Cơ sở

Stt	Tên nguyên liệu	ĐVT	Số lượng		Mục đích sử dụng	Xuất xứ	Quy đổi (tấn/năm)
			Hiện tại	Nâng công suất			
1	Hóa chất Qick Phos	Kg/năm	1	3	Sử dụng hun trùng hàng hóa	Ấn Độ	0,003
2	Storm	Kg/năm	0,11	0,5	Bã chuột	Đức	0,0005
Tổng cộng							0,0035

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

➤ Bảng cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở hiện tại.

Bảng 1. 4. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở hiện tại

Stt	Nguyên liệu		Chất thải			Sản phẩm	
	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm) (1)	Tên chất thải	Tỉ lệ hao hụt	Khối lượng (tấn/năm) (2)	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn/năm) (3)
1	Hạt điều thô	1.080	Vỏ hạt điều	79,57%	859,356	Hạt điều nhân	225
2	Hóa chất Qick Phos	0,001	Bao bì thải	1%	0,00001		
3	Thùng carton	3,68	Thùng hỏng	1%	0,0368		
4	Bao bì đóng gói	0,81	Bao bì hỏng	8%	0,0648		
Tổng		1.084,49	-	-	859,49	-	225

➤ Bảng cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở khi nâng công suất

Bảng 1. 5. Tổng hợp cân bằng vật chất đầu vào, đầu ra của Cơ sở sau khi nâng công suất

Stt	Nguyên liệu		Chất thải			Sản phẩm	
	Tên nguyên liệu	Khối lượng (tấn/năm) (1)	Tên chất thải	Tỉ lệ hao hụt	Khối lượng (tấn/năm) (2)	Tên sản phẩm	Khối lượng (tấn/năm) (3)
1	Hạt điều thô	4.800	Vỏ hạt điều	79,57%	3.819,36	Hạt điều nhân	1.000
2	Hóa chất Qick Phos	0,003	Bao bì thải	1%	0,00003		
3	Thùng carton	16,20	Thùng hỏng	1%	0,162		
4	Bao bì đóng gói	3,60	Bao bì hỏng	8%	0,2808		
Tổng		4.819,80	-	-	3.819,80	-	1.000

4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nguồn cung cấp điện

- Nguồn cung cấp điện: Từ hệ thống lưới điện Quốc gia do Công ty điện lực Bình Phước cung cấp.

- Mục đích sử dụng: sử dụng cho thiết bị, máy móc sản xuất, phục vụ chiếu sáng và các thiết bị sinh hoạt.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước, nguồn cung cấp nước

- Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ nguồn nước giếng khoan trong khu vực của cơ sở.
- Nhu cầu sử dụng nước: Lượng nước sử dụng thực tế của dự án dùng cho cho hoạt động sinh hoạt, cấp nước cho lò hơi.

Bảng 1. 6. Cân bằng sử dụng nước của cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng	Định mức	Quy mô tối đa	Lưu lượng nước cấp (m ³ /ngày)	Lưu lượng nước xả thải (m ³ /ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân viên	Theo thực tế tại nhà máy, định mức sử dụng nước của 1 người chỉ dùng cho hoạt động đi vệ sinh là 0,015 m ³ /ngày Định mức xả thải: 80% lượng nước cấp	20 người	0,3	0,24	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó được Công ty thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
2	Nước cấp cho lò hơi	Theo thực tế	1 lò hơi	0,35	-	-
3	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	30% lượng nước cấp	1 lò hơi	0,11	-	-
4	Nước thải từ khu vực hấp - sấy	Định mức xả thải: 0,01 m ³ /ngày	-	-	0,01	Cơ sở không phát sinh nước thải ra ngoài môi trường, nước thải phát sinh được dẫn về bể gom, khi bể gom đầy, công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý
Tổng			-	0,76	0,25	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

Do số lượng công nhân và số lượng nồi hơi không thay đổi khi Cơ sở nâng công suất nên lưu lượng nước cấp và lưu lượng nước thải không thay đổi.

❖ *Nhu cầu sử dụng nước cho PCCC:*

Theo QCVN 06:2022/BXD về An toàn cháy cho nhà và công trình lưu lượng nước cho chữa cháy là 15 lít/giây. đám cháy, tương đương 54 m³/giờ.đám cháy với 01 đám cháy trong 3 giờ liên tục. $Q_{cc} = 54 \text{ m}^3/\text{giờ.đám cháy} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3 \text{ giờ} = 162 \text{ m}^3$.

4.5. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lao động làm việc tại cơ sở: 20 người.

Thời gian làm việc: 312 ngày/năm, 01 ca/ngày, 8 giờ/ca.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Vị trí địa lý

Khu đất của cơ sở có tổng diện tích 1.338,2 m² nằm tại Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Cơ sở có vị trí tiếp giáp như sau:

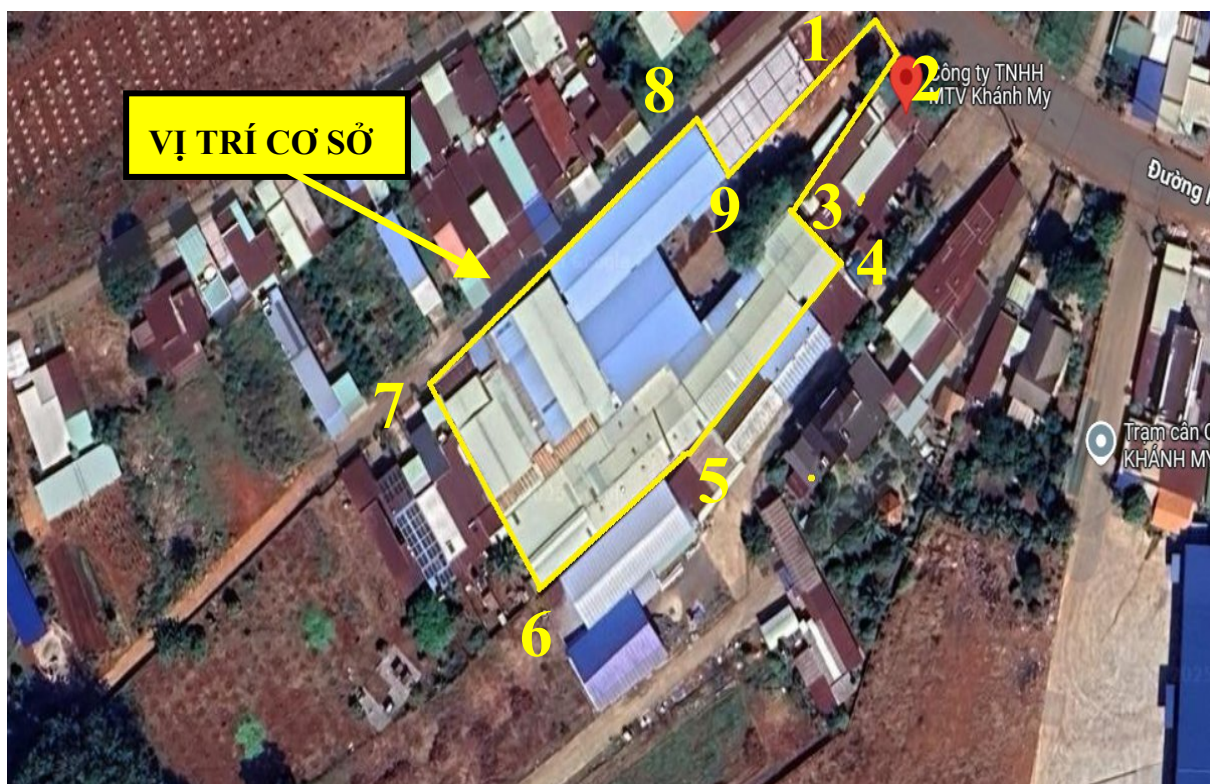
- Phía Đông giáp với đường Nhà Tầm;
- Phía Bắc giáp khu dân cư;
- Phía Tây giáp đất vườn;
- Phía Nam giáp khu dân cư.

Tọa độ địa lý của Cơ sở (tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiếu 3⁰) như sau:

Bảng 1. 7. Vị trí tọa độ của Cơ sở

Điểm	Tọa độ VN2000, múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y(m)
1	1.306.588	575.331
2	1.306.584	575.336
3	1.306.555	575.311
4	1.306.545	575.323
5	1.306.516	575.294
6	1.306.486	575.254
7	1.306.542	575.255
8	1.306.569	575.289
9	1.306.561	575.297

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)



Hình 1. 4. Vị trí cơ sở trên bản đồ

5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Các hạng mục công trình được thể hiện theo bảng sau:

Bảng 1. 8. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ %
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Khu đóng gói	100	7,47
2	Khu phân loại	50	3,74
3	Khu sàng – hấp – chẻ	500	37,37
4	Khu sấy – bóc vỏ lụa	150	11,21
5	Khu bắn màu	80	5,98
6	Kho nhân trắng – hun trùng	180	13,45
7	Kho nguyên liệu thô	200	14,95
II	Công trình phụ trợ		
1	Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt	4	0,30
2	Kho chứa CTNH	5	0,37
3	Khu vực máy nén khí	20	1,49
III	Sân bãi và cây xanh	49,2	3,68

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỷ lệ %
	Tổng cộng	1.338,2	100%

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Các loại máy móc, trang thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1. 9. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

Stt	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng		Nước sản xuất
			Hiện tại	Nâng công suất	
1	Máy sàng điều	Cái	01	01	Việt Nam
2	Lò sấy	Cái	01	04	Việt Nam
3	Nồi hơi	Cái	01	01	Việt Nam
4	Máy chẻ	Cái	02	07	Việt Nam
5	Máy bắn màu	Cái	01	02	Trung Quốc
6	Máy bóc lụa	Cái	01	02	Việt Nam
7	Máy đóng gói	Cái	01	01	Việt Nam
8	Máy nén khí	Cái	02	04	Trung Quốc
9	Lò sấy nhân (điện)	Cái	01	01	Việt Nam
10	Nồi hấp	Cái	02	02	Việt Nam
Tổng		-	13	25	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

“Xưởng chế biến hạt điều” tại Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My làm chủ cơ sở phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Quyết định số 518/QĐ-TTg ngày 16/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Phê duyệt đề án phát triển đô thị giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/11/2023 về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050;

Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 3800368327, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 08 năm 2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Như vậy, địa điểm thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

Cơ sở đã tách riêng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, Công ty thu gom và tập kết phía trước cổng, Công ty đã ký Hợp đồng với đơn vị dịch vụ công ích tại địa phương để thu gom, xử lý theo quy định.

Đối với chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất: Vỏ điều được công ty bán cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lưu Danh thu mua vỏ điều, đảm bảo không phát sinh ra ngoài môi trường.

Công ty đã bố trí khu vực lưu trữ riêng đối với chất thải nguy hại với diện tích 5m². Khu lưu chứa có bảng hiệu và trang bị thiết bị PCCC. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý để thu gom xử lý theo quy định.

Cơ sở với đặc thù sản xuất Khí thải tại cơ sở đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_v = 0,8$, $K_p = 1,0$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

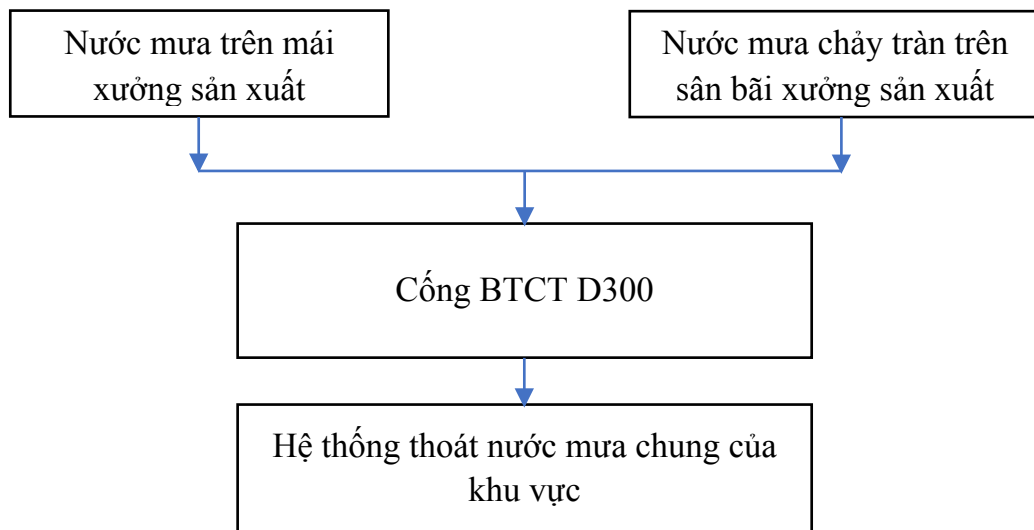
1.1. Thu gom, thoát nước mưa

1.1.1 Thu gom nước mưa và thoát nước mưa

Nước mưa từ mái nhà được thu gom và dẫn về hệ thống mương thoát nước mưa bố trí xung quanh trong khuôn viên của cơ sở. Hệ thống này độc lập và riêng biệt với hệ thống cống thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom theo máng xối và nước mưa chảy tràn trên sân bãi xưởng sản xuất theo độ dốc về hệ thống mương thoát nước mưa (mương) bố trí xung quanh khuôn viên (kích thước rộng 300mm), sau đó nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước mưa của khu vực.

Chủ cơ sở thường xuyên cho khai thông và nạo vét các mương thoát nước mưa để tránh tình trạng hệ thống thoát nước bị ứ đọng, gây ngập úng.



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

1.1.2. Điểm xả nước mưa

- Phương thức chảy: Tự chảy.
- Vị trí xả nước mưa: 01 vị trí, phía trước nhà xưởng tại Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- Tọa độ vị trí điểm xả nước mưa: $X (m) = 1.306.585$; $Y (m) = 575.337$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

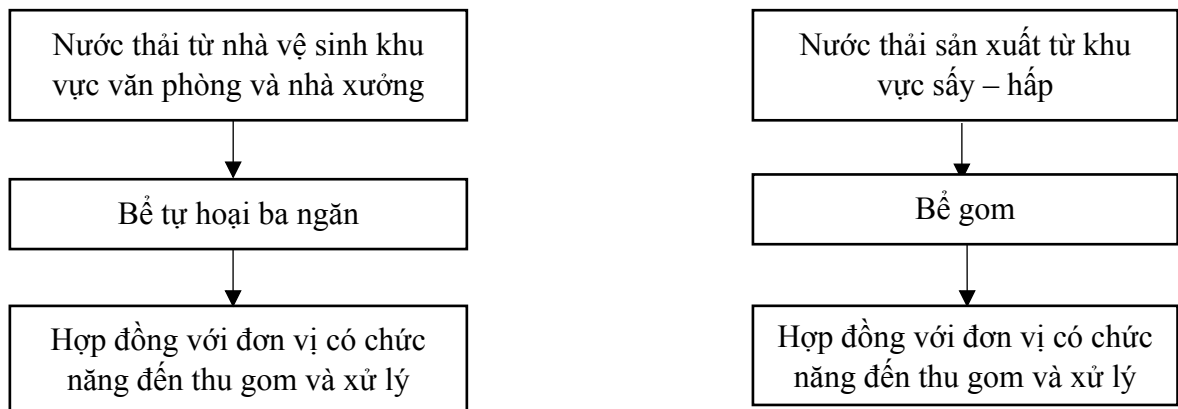
1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh của công nhân viên và nước thải từ quá trình hấp điều tại Cơ sở. Các nguồn phát sinh nước thải bao gồm:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.
- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy – hấp với thể tích bể gom là 5m^3 . Định kỳ 6 – 8 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải:



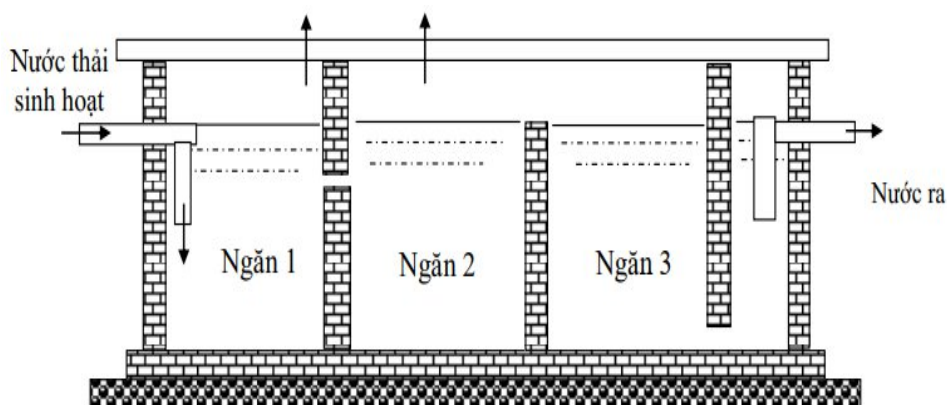
Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

a. Bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của công nhân viên (20 người). Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,24\text{ m}^3/\text{ngày}$ (tương đương 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt), toàn bộ nước thải này sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 3. 3. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và lên men cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn lắng. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

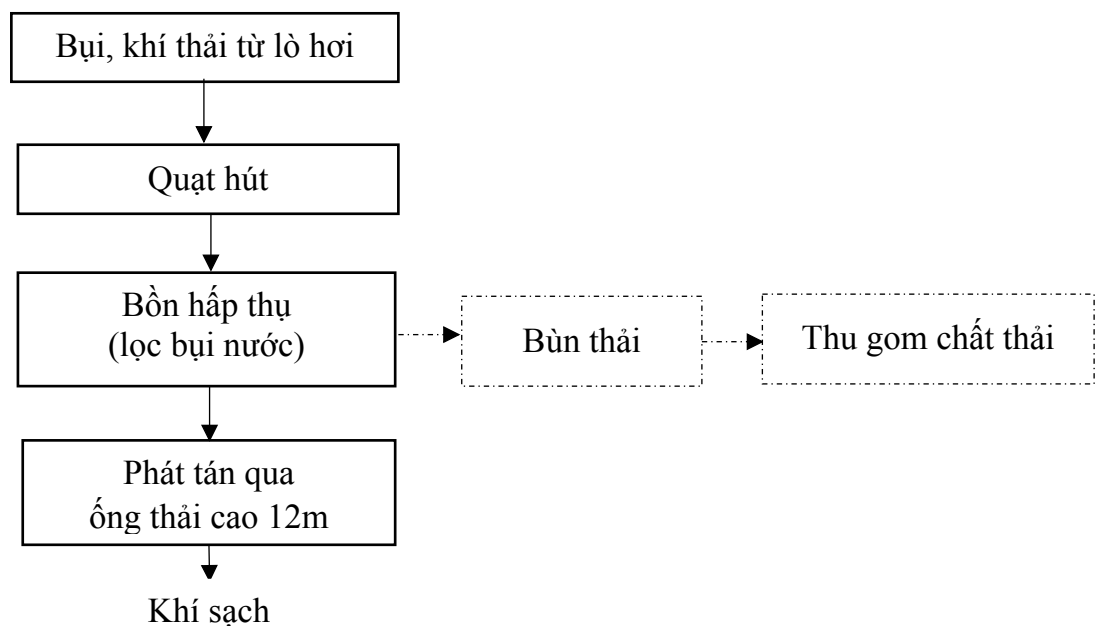
1.3.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất

Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy – hấp với thể tích bể gom là 5m³. Định kỳ 6 – 8 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình xử lý bụi, khí thải từ lò hơi

Cơ sở sử dụng lò hơi công suất 2 tấn/giờ để cấp nhiệt cho hoạt động sấy và hấp hạt điều. Nguyên liệu để vận hành lò hơi là gỗ vụn, củi. Quy trình xử lý lò hơi như sau:



Hình 3. 4. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình:

Lọc bụi nước (hấp thụ bụi có kích thước nhỏ và khí thải (NO_x, SO₂, CO) bằng nước): Khí thải sau khi qua quạt hút sẽ được chuyển trực tiếp sang bồn hấp thụ. Bồn hấp thụ có chứa nước, Dòng khí thải tiếp xúc nước thì các hạt bụi bị giữ lại trong nước sau đó rơi xuống bể chứa phía dưới và lắng cặn ở đáy bể, phần khí thải sạch được làm mát

bằng nước sẽ bị đẩy ngược lên trên theo ống trụ giữa thoát ra ngoài. Khí thải thoát ra ngoài môi trường bằng ống thải có đường kính 400mm, chiều cao 12m (tính từ mặt đất).

+ Thông số kỹ thuật của công trình xử lý bụi, khí thải đã được lắp đặt:

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã lắp đặt

Stt	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Nguồn gốc
1	Quạt hút	Cái	1	Công suất 4HP, điện áp 380 V, lưu lượng 4.800 m ³ /giờ, tốc độ quay: 1.700 vòng/phút	Việt Nam
2	Cyclone	Cái	1	1 cyclone được làm bằng thép không rỉ Kích thước H 1,2m x Ø0,6m Ống dẫn: 300x300mm	
3	Bể hấp thụ	Cái	1	DxRxH=1,5x1,1x0,7m	Việt Nam
4	Ống thải	Ống	1	Đường kính D400mm, chiều cao 12m so với mặt đất	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

+ Chế độ vận hành hệ thống xử lý: 8 giờ/ngày.

Định kỳ, Công ty sẽ tiến hành bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý khí thải từ hệ thống xử lý bụi trên. Tiến hành thay thế các thiết bị, phụ tùng cần thiết (quạt hút, bulong, ốc vít). Chất thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng như: dầu nhớt thải, giẻ lau, được đưa về kho chứa CTNH để lưu giữ.

Dưới đây là một số hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở:



Hình 3. 5. Hình ảnh hệ thống xử lý khí thải lò hơi của Cơ sở

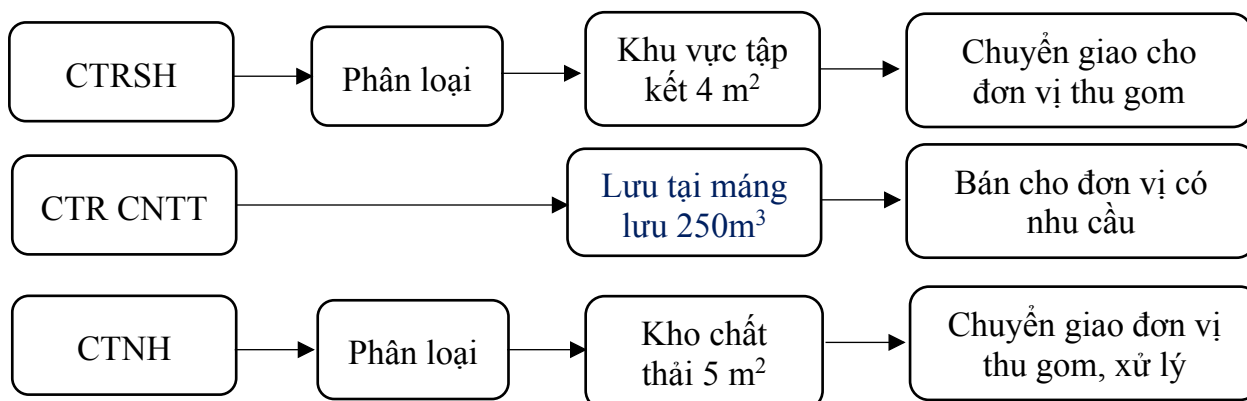
2.2. Bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng, phương tiện giao thông

Bụi phát sinh từ quá trình bốc dỡ nguyên liệu, sản phẩm của Cơ sở có tính chất là phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để hạn chế nguồn ô nhiễm này Cơ sở đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu để hạn chế bụi phát tán từ mặt đất,
- Thực hiện chế độ ra vào của phương tiện vận chuyển nguyên liệu hàng hóa: xe chạy chậm khi ra vào nhà máy, thực hiện tắt máy khi bốc dỡ hàng,
- Công nhân được trang bị đồ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay,...trong lúc bốc dỡ hàng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ, khu vực nhận, chở nguyên liệu hàng hóa.
- Các phương tiện di chuyển trong nhà máy được bảo trì thường xuyên và khuyến cáo sử dụng nhiên liệu an toàn, thân thiện với môi trường,
- Trong quá trình bốc dỡ hàng yêu cầu tắt máy không để máy nổ.
- Phun tưới đoạn đường giao thông trước cổng ra vào trong những ngày nắng nóng để giảm lượng bụi cuốn lên từ mặt đường.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Toàn bộ khối lượng CTRSH, CTR CNTT và CTNH tại Cơ sở được phân loại, thu gom vào các thùng chứa ngay tại khu vực phát sinh. Sau đó, dựa vào đặc tính rác thải mà được lưu giữ tại nơi phù hợp, chi tiết phương án thu gom, xử lý chất thải tại cơ sở như sau:



3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Rác sinh hoạt được phân loại như sau:

- Những thành phần rác thải không thể tái chế như các loại thực phẩm dư thừa, các loại rau quả, trái cây,... có khả năng phân hủy sinh học và phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác được thu gom riêng và lưu giữ trong các túi rác.

+ **Thu gom:** Bố trí các thùng rác nhựa dung tích 60 lít đặt trong nhà vệ sinh, văn phòng để thu gom chất thải sinh hoạt. Cuối ngày (hoặc khi rác đầy) công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt đến khu tập kết trước cổng với diện tích 4 m² để chờ đơn vị thu gom đến thu gom. Công ty trang bị các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy kín tại các khu vực thường xuyên phát sinh.

Bảng 3. 2. Số lượng thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty

Số lượng (Thùng)	Dung tích (lít)	Đặc điểm	Khu vực
4	60	- Màu xanh. - Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. - Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng. - Thùng rác 60 lít, kích thước 0,42 x 0,42 x 0,63 (m). Vật liệu: Nhựa HDPE.	- 03 cái khu nhà xưởng. - 01 cái khu vực Văn phòng.
2	120	- Màu xanh. - Có nắp đậy ngăn mùi và chắn nước mưa, nắng. - Cấu tạo nhẵn 2 mặt giúp việc vệ sinh thùng rác sau khi thu gom rác được dễ dàng. - Thùng rác 120 lít, kích thước 0,54 x 0,45 x 0,92 (m). Vật liệu: Nhựa HDPE.	- 02 cái khu vực trước cổng

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

+ **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng Cơ sở với diện tích khoảng 4 m² (thuộc phạm vi của Cơ sở).

+ **Xử lý:** Chất thải phát sinh được đơn vị dịch vụ công ích địa phương đến để thu gom xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày.

➤ *Khối lượng phát sinh*

Khối lượng CTR sinh hoạt của cơ sở là 7 kg/ngày (bình quân 1 ngày mỗi người thải 0,35 kg/ngày, số lượng công nhân viên là 20 người).

Với khối lượng phát sinh 7 kg/ngày x 312 ngày/năm = 2.184 kg/năm (tương đương 2,184 tấn/năm).

Hiện tại công ty đã bố trí khu vực tập kết CTR sinh hoạt với diện tích khoảng 4m², gồm 02 thùng chứa bằng nhựa HPDE dung tích 120 lít màu xanh lá cây để lưu chứa CTR sinh hoạt hằng ngày.

3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thu gom: Vỏ hạt điều từ quá trình sản xuất được lưu tại máng thu trong dây chuyền sản xuất.

Lưu trữ:

~ Công ty bố trí khu vực lưu chứa vỏ điều ở cuối nhà xưởng với thể tích 250m³ bằng máng thu được làm bằng thép, cách mặt đất 4m, có mái che → Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

~ **Xử lý:** Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Khánh My đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lưu Danh, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (*Tần suất thu gom 1 lần/tháng*).

➤ *Khối lượng phát sinh*

Thành phần và khối lượng CTR CNTT tại Cơ sở được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 3. 3. Thành phần và khối lượng CTR CNTT phát sinh

STT	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng năm 2024 (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	854	Rắn	14 04 03	TT - R
Tổng		854	Rắn	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My)

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh được trình bày tại bảng dưới đây:

Bảng 3.4. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	-	NH
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	-	NH
3	Mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	-	KS
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	-	KS
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	-	NH
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chưa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	-	KS
7	Dầu động cơ gốc khoáng thải không có Clo	17 02 02	Lỏng	-	NH
8	Các loại động cơ tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	-	NH
9	Các loại dầu động cơ thải khác	17 02 04	Lỏng	-	NH
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	-	KS
-	Tổng cộng	-	-	-	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

➤ Công trình, biện pháp lưu giữ

Thu gom: Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại Cơ sở được thu gom đưa về khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

Lưu trữ: Kho chứa CTNH có diện tích 5m² (2m x 2,5m) cuối khu đất của Cơ sở. Kho chứa được xây dựng kiên cố, tường xây gạch kết hợp vách tôn, mái lợp tôn, chống nước mưa từ ngoài tạt vào.

Các loại chất thải nguy hại được phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

- Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH.
- Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra.
- Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009.
- Số lượng thùng rác: Chủ cơ sở bố trí 4 thùng nhựa loại 240L để lưu chứa các loại chất thải phát sinh.

Xử lý: Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo Hợp đồng số 000500/2025/CGQ đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Nguồn phát sinh

- **Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông**

Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở như xe máy, xe hơi của cán bộ công nhân viên và khách, xe tải vận chuyển nguyên vật liệu tới Công ty và vận chuyển thành phẩm đi tiêu thụ. Đây là nguồn gây ồn không liên tục, thông thường các thời điểm phát sinh tiếng ồn từ hoạt động giao thông lớn là thời gian đầu và cuối mỗi ca sản xuất khi công nhân viên ra vào Công ty để làm việc và khi Công ty nhập xuất hàng tập trung.

Bảng 3. 5. Cường độ ồn của các loại xe cơ giới

Loại xe	Cường độ ồn (dBA)	QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
Xe vận tải	93	Từ 6h – 21h: 70
Xe moto 4 thì	94	Từ 21h – 6h: 55

(Nguồn: Tổ chức FHA (Federal Highway Administration), Mỹ, 1999)

Nhận xét: Qua số liệu thống kê ở bảng trên có thể thấy cường độ ồn của các loại xe cơ giới ra vào cơ sở vượt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT.

Đây là nguồn phát sinh không liên tục, chỉ xảy ra trong thời gian rất ngắn nên tác động đến môi trường, con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có những phương án cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa các tác động của tiếng ồn trong khu vực.

- **Tiếng ồn từ dây chuyền sản xuất**

Đối với hoạt động sản xuất của cơ sở, căn cứ vào quy trình sản xuất và danh sách các thiết bị, máy móc tại cơ sở được nêu ở Chương I, các nguồn phát sinh tiếng ồn được nhận định chủ yếu từ các công đoạn sau đây:

Bảng 3. 6. Danh sách các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Tọa độ
1	Từ hoạt động của máy sàng điều	X = 1.306.518; Y = 575.266
2	Từ hoạt động của máy chẻ	X = 1.306.509; Y = 575.263
3	Từ hoạt động của máy bắn màu	X = 1.306.545; Y = 575.292
4	Từ hoạt động máy đóng gói tự động	X = 1.306.559; Y = 575.287
5	Từ hoạt động của máy đánh lựa	X = 1.306.553; Y = 575.308
6	Từ hoạt động của máy nén khí	X = 1.306.570; Y = 575.311

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

Tiếng ồn sẽ gây những tác động tiêu cực đến công nhân làm việc trực tiếp tại xưởng nếu tiếp xúc trong thời gian dài. Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác. Mức ồn ảnh hưởng đến các bộ phận của cơ thể người cụ thể như sau:

Bảng 3. 7. Tác động của tiếng ồn ở các dãy tần số

STT	Mức ồn (dBA)	Tác động người nghe
1	0	Ngưỡng nghe thấy
2	100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
3	110	Kích thích mạnh màng nhĩ
4	120	Ngưỡng chói tai
5	130 – 135	Gây bệnh thần kinh và nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
6	140	Đau chói tai, nguyên nhân gây bệnh mất trí, điên
7	145	Giới hạn mà con người có thể chịu đựng được với tiếng ồn
8	150	Nếu mức chịu đựng lâu sẽ bị thủng màng tai
9	160	Nếu tiếp xúc lâu sẽ gây hậu quả nguy hiểm lâu dài

(Nguồn: *Emviromental technology series, 1993*)

Trong khi hoạt động, tiếng ồn phát sinh từ công đoạn sản xuất nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn quy định. Do đó, tác động đến môi trường và con người là không đáng kể. Tuy nhiên, Chủ cơ sở sẽ có các biện pháp giảm thiểu các tác động do tiếng ồn gây ra.

• Độ rung

Quá trình sản xuất của cơ sở sẽ phát sinh độ rung do va đập của các bộ phận cơ học của các loại máy móc, thiết bị và các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy.

Độ rung có thể gây ra những tác động có hại, cụ thể:

- Đối với con người: độ rung và tiếng ồn do rung có thể gây đau đầu, chóng mặt, buồn nôn giống trạng thái say tàu xe do thể đứng không vững, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe công nhân trực tiếp vận hành, hiệu suất làm việc cũng như lan truyền trên nền đất ra môi trường xung quanh.

5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp mà Cơ sở đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung như sau:

~ Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ 5km/h, không bóp còi;

~ Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng và ngăn cách với các khu vực sản xuất khác. Tiếng ồn tạo ra từ mỗi quá trình sau khi đã được giảm thiểu

bằng tường nhà che chắn và ở một khoảng cách nhất định sẽ giảm thiểu được tác động cộng hưởng.

~ Các thiết bị, máy móc được lắp đặt các thiết bị chống ồn cần thiết, được đặt trên các bệ đỡ bê tông, có tác dụng hạn chế rung động;

~ Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng máy, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị, máy móc bị mài mòn quá mức cho phép, bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.

~ Cách ly khu vực xưởng với các khu dân cư xung quanh tận dụng các khu đất trống, vành đai xung quanh để trồng cây xanh.

~ Ngoài ra, xưởng còn trang bị nút bịt tai, chụp tai chống ồn,... cho công nhân vận hành tại các khu vực có độ ồn cao.

~ Trồng cây xanh.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Sự cố tại hệ thống thoát nước và bể tự hoại

- Theo dõi và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.
- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại.
- Khơi thông, nạo vét các mương nước mưa.
- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải.

6.2. Phương pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

❖ Phương pháp phòng chống cháy nổ

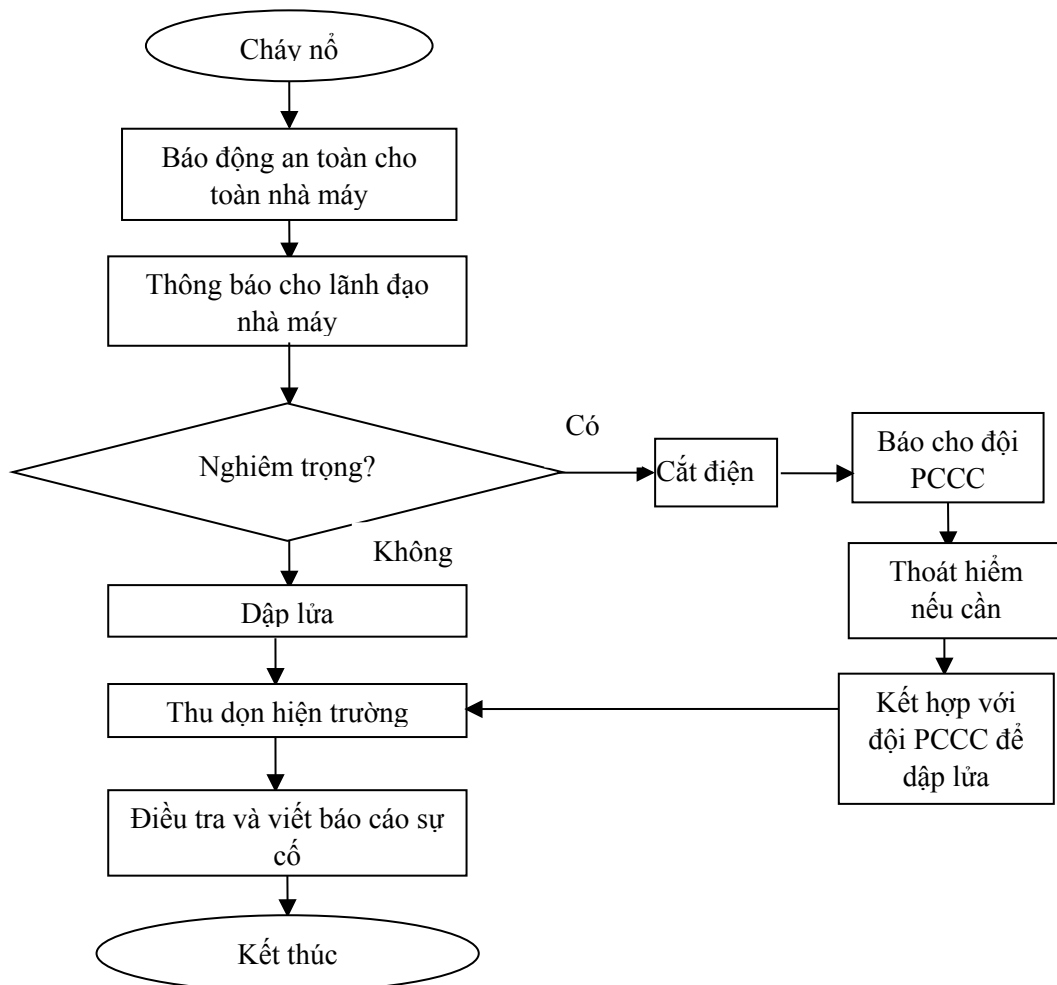
- Để đảm bảo an toàn PCCC, song song với việc chấp hành nghiêm ngặt các quy định an toàn PCCC, chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp sau:
- Niêm yết nội quy PCCC, biển cấm lửa, cấm hút thuốc ở các khu vực dễ cháy.
- Trang bị phương tiện chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phục vụ việc chữa cháy, thoát nạn, cứu người phù hợp với quy mô, tính chất nguy hiểm cháy.
- Xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu người trong tình huống xảy ra cháy phức tạp nhất.

❖ Phương án ứng phó sự cố cháy nổ trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn:

- Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra: Người phát hiện đám cháy nhanh chóng báo động cho toàn thể cán bộ công nhân viên biết để có giải pháp xử lý sự cố cháy, nổ vừa xảy ra. Đồng thời, báo cháy đến cho đội chữa cháy chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy (trong trường hợp nhân viên đó không thể tự dập tắt đám cháy). Lực lượng bảo vệ nhanh chóng tập trung lực lượng, triển khai phương án chữa cháy theo các bước cụ thể như sau:
- Báo động cháy tại khu vực đang xảy ra cháy.
- Cúp điện toàn bộ khu vực xảy ra cháy.

- Gọi điện cho lực lượng Cảnh sát PC&CC theo số 114 và các đơn vị xung quanh đến hỗ trợ chữa cháy.

Quy trình ứng phó khi có cháy



Hình 3. 6. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua keng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy tỉnh.

Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như bình chữa cháy, cát và nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng, giảm thiểu các thiệt hại về người và tài sản.

Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên

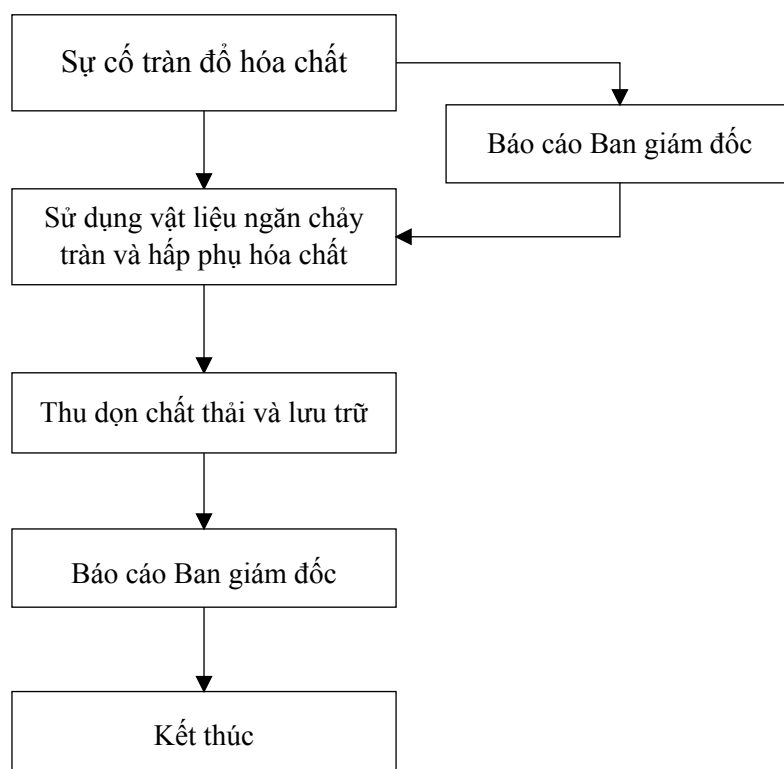
nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

6.3. Sự cố về hóa chất

Để tránh ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe công nhân, cơ sở đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa như sau:

- Lưu trữ hóa chất tại khu vực riêng biệt, đảm bảo điều kiện để hóa chất không xảy ra phản ứng và rò rỉ trong quá trình dự trữ
- Thông thoáng khu vực làm việc tại xưởng
- Mang kính bảo hộ, mặc đồ bảo hộ, mang gang tay, giày bảo hộ, khẩu trang chống công nhân trong quá trình làm việc tiếp xúc trực tiếp với hóa chất.
- Khi tràn đổ hoặc rò rỉ hóa chất di dời các vật chứa ra khỏi khu vực, Dùng các chất hấp thụ (cát, đất,...) khi hóa chất tràn đổ
- Bao bì hóa chất sau khi sử dụng hết, được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu trữ CTNH.
- Phổ biến kiến thức và kỹ năng cho công nhân viên về an toàn hóa chất.

Sơ đồ ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3. 7. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

6.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải

Để kiểm soát chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B. Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

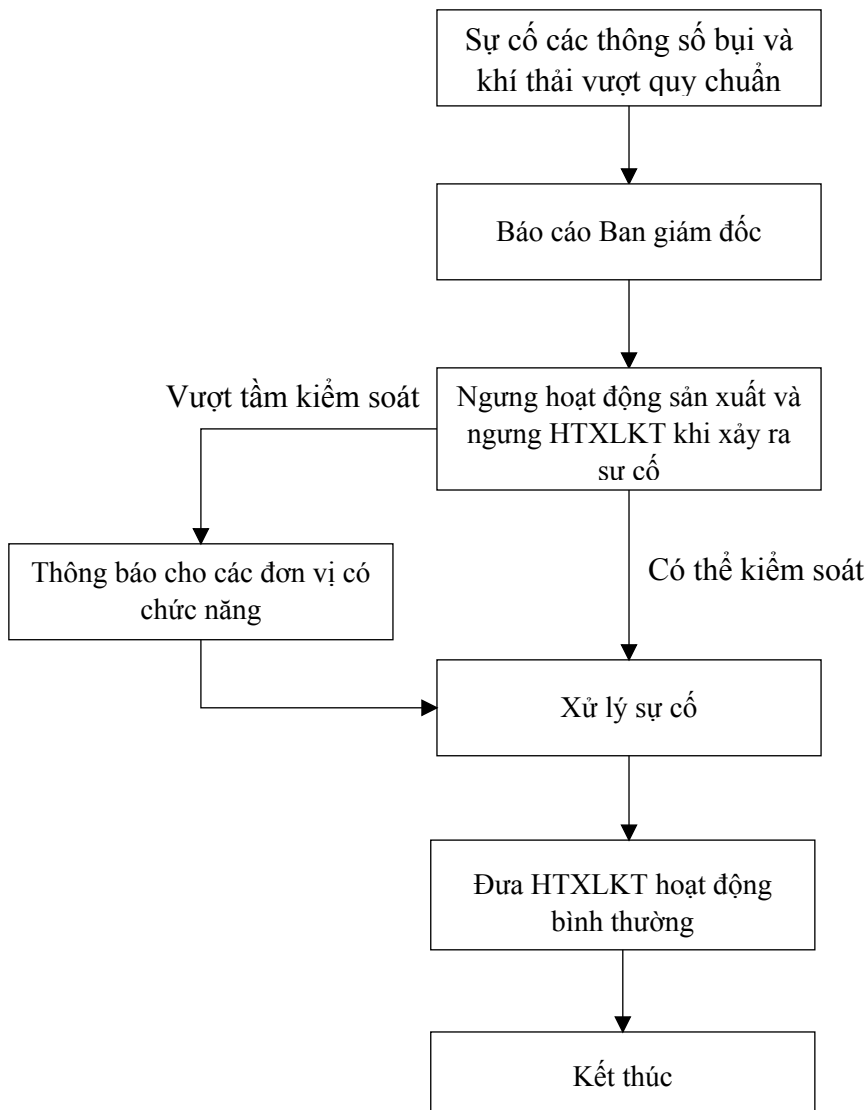
- Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra các chi tiết của hệ thống xử lý khí thải như quạt hút, máy bơm,... khi có phát hiện có thiết bị hư hỏng sẽ kịp thời sửa chữa và thay thế.

- Định kỳ theo ca, ngày làm việc nhân viên vận hành hệ thống XLKT và bảo trì có trách nhiệm kiểm tra tình trạng các thiết bị, các đường ống, tình trạng của các thiết bị xử lý để kịp thời xử lý khi có hiện tượng như rò rỉ, rách thùng, hư hại do quá trình vận chuyển, tuổi thọ công trình hoặc do va đập.

a. Quy trình vận hành ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải

Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 109 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Hiện nay, Công ty đã thành lập đội ứng phó sự cố môi trường với các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố đối với các hệ thống xử lý bụi và khí thải như sau:

❖ Sự cố bụi và khí thải sau hệ thống xử lý vượt quy chuẩn.



Hình 3. 8. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

b. Sự cố lò hơi

Các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi của cơ sở như sau:

Bảng 3. 8. Một số sự cố điển hình với lò hơi

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
1	Cạn nước nghiêm trọng	- Ống thủy sáng không còn nước mà chỉ còn một màu sáng óng ánh khi quan sát - Mở van thấp nhất của ống thủy tối không có nước chảy ra mà chỉ có hơi phụt ra. - Áp suất hơi tăng nhanh, van an toàn tác động liên tục. - Toàn bộ nồi hơi nóng hơn mức bình thường.	- Công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời. - Van xả đáy không kín. - Bơm cấp nước hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được nồi hơi. - Hệ thống ống cấp nước bị tắt hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng.	- Tiến hành thông rửa ống thủy 1. Nếu thấy nước lấp ló chân ống thủy sang thì nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng. Trường hợp này tiến hành cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, đồng thời giảm cường độ đốt bằng cách giảm lượng dầu cung cấp cho béc đốt hoặc tắt hẳn béc đốt. Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, cho nồi hơi hoạt động trở lại bình thường. 2. Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy cũng chỉ thấy hơi phụt ra thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cần cấm tuyệt đối cấp nước bổ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng các sự cố như sau:

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
				• Đóng lá hướng khói, tắt quạt gió. • Tắt béc đốt, ngừng cung cấp dầu cho béc đốt. • Đóng van hơi chính. • Đóng tắt cả cửa tránh không khí lạnh lọt vào buồng đốt. Sau khi ngừng lò do sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới tới mức làm việc bình thường, cần kiểm tra các bộ phận liên quan, đặc biệt các bề mặt tiếp xúc nhiệt, sau đó tiến hành xử lý như trường hợp trên. Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bơm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.
2	Mức nước quá đầy	- Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong nồi hơi.	- Khi tiến hành cấp nước bổ sung nước cho nồi hơi, công nhân không quan sát ống thủy sáng để ngưng bơm kịp thời.	1. Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước bình thường trở lại. 2. Xả nước trên đường cấp hơi, cho nồi

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		- Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp bên trong tiêu thụ lẫn nhiều nước ngưng. - Đỉnh ống thủy có bọt khí.	- Cường độ đốt cao, bên sử dụng ít hoặc ngưng sử dụng nồi hơi. Trong trường hợp này mức nước trung bình của ống thủy có thể vượt quá mức cho phép cao nhất.	hơi hoạt động trở lại
3	Ống thủy báo mức nước giả tạo	- Mức nước trong ống thủy đứng yên, không giao động lên xuống. - Hai ống thủy sáng báo hai mức nước khác nhau.	- Trong các ca vận hành, công nhân không thực hiện thông rửa ống thủy. - Ống thủy bị tắt sau khi thông rửa.	1. Tiến hành thông rửa ống thủy, sau khi thông, mức nước trong ống thủy phải dao động. Căn cứ vào mức nước này, biết nồi hơi đang trong tình trạng nào để xử lý tiếp. 2. Đặc biệt chú ý: - Mỗi ca vận hành cần thông rửa ống thủy đầu ca và giữa ca như quy định trong quy trình vận hành. - Mức nước giả tạo trong ống thủy nếu không phát hiện kịp thời sẽ dẫn đến các sự cố đầy nước quá mức hoặc cạn nước nghiêm trọng, nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến hậu quả vỡ nồi hơi.
4	Áp suất tăng quá	- Van an toàn tác động liên tục, đồng hồ áp lực	- Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động	1. Giảm cường độ đốt, đóng lá hướng

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
	mức cho phép	chỉ trị số cao hơn áp suất làm việc bình thường.	không hết công suất do kẹt. - Cường độ đốt tăng quá mức bình thường. - Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động.	khởi. 2. Mở van xả khí hoặc mở cưỡng chế van an toàn (bằng tay). 3. Xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.
5	Phồng, nổ ống của phần trao đổi nhiệt	- Nhìn qua cửa kiểm tra vào buồng đốt thấy bộ phận của diện tích tiếp nhiệt bị phồng. - Hoặc nghe thấy tiếng nổ ống sinh hơi (ống lò, ống lửa) bên trong lò, hơi nước thoát ra ống khói, áp suất tụt nhanh.	- Trong các đợt định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, không làm vệ sinh sạch cầu cặn, bẩn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng. - Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước. - Chất lượng nước cấp không đảm bảo. - Nồi hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng.	1. Tiến hành thao tác ngừng lò sự cố bằng cách: + Tắt béc đốt + Tắt quạt gió + Đóng lá hướng khói 2. Khi nồi hơi có chỗ phồng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cưỡng chế mở van an toàn. 3. Để nguội nồi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phồng.
6	Nổ vỡ ống thủy sáng	- Nghe tiếng nổ vỡ ống thủy tinh, nước và hơi bốc ra mù mịt.	- Lắp ống thủy tinh không đồng tâm nên ống thủy tinh bị nứt. - Do nước lạnh bắn vào hoặc do vật cứng va vào.	1. Đóng các đường hơi và đường nước để thay ống thủy mới 2. Không có ống thủy dự trữ thì ngừng hoạt động nồi hơi.

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
7	Áp kế bị hỏng hoặc không chính xác	- Mặt kính bị vỡ. - Khi kiểm tra áp kế, lúc ngắt kim không trở về vị trí số 0 mà lệch với vị trí “0” trị số lớn hơn $\frac{1}{2}$ trị số cho phép. - Hơi và nước tràn đầy mặt kính.	- Không kiểm định đồng hồ hằng năm. - Do tác dụng của ngoại lực.	1. Trong trường hợp mặt kính bị vỡ, nhưng áp kế vẫn hoạt động tốt cho phép làm việc đến hết ca. 2. Các trường hợp khác phải thay áp kế mới và báo cho nhà cung cấp.
8	An an toàn hỏng	- Đóng không kín khi áp suất chưa cao quá mức cho phép. - Vượt quá áp suất cho phép mà vẫn không làm việc.	- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh. - Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.	- Kiểm tra lại van xả một lần nữa bằng cách mở van lên, đóng xuống thật chặt (bằng tay không) nếu thấy van xả vẫn rò rỉ mạnh thì phải đóng ngay van chặn (lắp sát nồi hơi) và đóng cả van xả lại nghe nóng thêm 1 lát nữa. Nếu nước vẫn thoát ra liên tục thì nhanh chóng chạy bơm nước bổ sung vào nồi hơi và ngừng lò sự cố. Trong quá trình giảm nhiệt độ phải chú ý bơm cấp nước bổ sung vào nồi hơi, giữ cho mức nước trong nồi luôn luôn trên mức trung bình. - Nếu xác minh rõ ràng là chỉ có một van xả ngoài bị hỏng thì có thể đóng chặt van

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
				chặn ở trong lại. sửa chữa hay thay thế van xả đáy, rồi cho hai này làm việc thử thấy thì cho nồi hơi làm việc lại như thường, nhưng phải hết sức chú ý đề phòng bị hỏng
9	Cụm van cấp nước bị hỏng	- Cụm van cấp nước gồm có 1 van chặn (hay còn gọi là van liên thông) và 1 van 1 chiều (hay còn gọi là van triệt hơi), van 1 chiều lắp sát nồi hơi. - Khi cụm van này bị hỏng thường gây ra hiện tượng hơi nước trong nồi hơi rò trở lại bơm cấp nước qua hệ thống ống cấp nước, khi đường ống này nghỉ, 2 van đã đóng chặt nhưng vẫn thấy đường ống nóng bỏng.	- Bề mặt tiếp xúc của van bị mòn, không đều, bị vênh. - Kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí do bẩn.	- Tạm thời để cho nồi hơi đó làm việc đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng, đồng thời phải có biện pháp bảo vệ bơm cấp nước không bị hỏng do nước quá nóng, bằng cách thỉnh thoảng xả nước nóng đọng trong hệ thống ống cấp nước và trong bơm ra ngoài, khí phải sửa chữa những bộ phận của hệ thống đường ống hay bơm cấp nước, phải xả được hết còn lại trong ống ra ngoài mới tiến hành sửa chữa. - Nếu cụm van này bị hỏng nặng, nước hơi rò ra rất mạnh hay ngược lại bơm nước không vào, nhiệt thiết phải ngừng lò sự cố.

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
10	Chảy đỉnh chì ở Balông	- Chân đỉnh có hiện tượng chảy.	- Đỉnh chì có tác dụng bảo hiểm cho Balông (hay của ống lò) trong trường hợp cạn nước nghiêm trọng, trong trường hợp người công nhân vận hành.	1. Đối với nồi hơi có đỉnh chì bảo hiểm, việc chảy đỉnh chì là sự cố hết sức nghiêm trọng, làm giảm tuổi bền đáng kể của thiết bị. 2. Trong trường hợp này phải báo cho thanh tra ATLĐ đến lập biên bản, tổ chức điều tra sự cố, kiểm tra lại độ bền của nồi hơi, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa mới được phép vận hành lại.
11	Sụt tường, cuốn lò, hỏng các phần trong lò	- Khi tường, cuốn lò bị sụt thì nghe thấy tiếng động khác thường trong buồng lửa, ống dẫn khí thải, đồng thời thấy lửa khói lửa ra khỏi cửa cấp nguyên liệu, tùy theo tường cuốn sụt nhiều hay ít, lửa sẽ lửa ra dài hay ngắn. Nếu tường cuốn lò bị sụt mà không phát hiện kịp thời có thể gây ra hiện tượng nứt tường lò nghiêm	- Chủ yếu là do xây lắp không đúng quy cách: để mạch gạch quá rộng (trên 3mm), vữa gạch chịu lửa chọn không đúng công thức, gạch định hình xây các cuốn lò không đúng hình dáng thiết kế cuốn lò... - Do các vật chằng giữm đỡ tường, cuốn lò bị hỏng làm cho tường cuốn bị sụt. - Do các bộ phận dẫn nở trong nồi hơi bị chèn ép, bị các tường cuốn chèn đặt lại. - Do gạch và các chất bảo ôn (amiang	- Nếu tường cuốn lò các phần bảo ôn bị sụt ít, nhẹ, không làm lộ những khung, giá, bệ đỡ... bằng kim loại ra, đường lửa khói chạy và không có nguy cơ làm nứt tường lò phía ngoài, thì cho phép lò làm việc tiếp đến kỳ sửa chữa gần nhất, nhưng không quá 1 tháng. - Nếu tường, cuốn lò, các phần bảo ôn bị sụt nhiều, nặng, làm cản trở việc thoát khói trong nồi hơi, làm cho các khung, giá, bệ đỡ của nồi hơi bị nóng đỏ, phải ngừng lò sự cố để sửa chữa.

STT	Sự cố	Hiện tượng	Nguyên nhân	Biện pháp ứng phó, khắc phục
		trọng, cháy đỏ những giá đỡ khung lò hơi.... - Khi các phần trong lò bị hỏng, kiểm tra thấy các sợi amiang của các ống xả đáy nồi (nằm trong lò hơi).	sợi, amiang tẩm) đã quá cũ, bị ẩm nhiều lần khi sửa chữa, chưa được thay vật liệu mới.	
12	Đường thoát khí thải bị nghẹt	- Có hiện tượng khói phỉ ra cửa đốt, đặc biệt khi bật quạt lò và khi mở cửa lò, ống thải thoát khí yếu.	- Do van gió trong đường ống bị bít lại hoặc có vật lạ rơi vào gây nghẹt đường ống.	- Vệ sinh định kỳ ống lửa, buồng lửa, buồng khói, đường thoát khói. - Trong trường hợp bị tắc nghẽn, phải ngừng lò và làm vệ sinh

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

- **Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lò hơi**

- Trong quá trình vận hành, thường xuyên theo dõi mực nước trong nồi hơi thông qua ống thủy nhằm tránh sự cố cạn nước làm cháy nồi hơi, gây hiện tượng cháy nổ do khi đó độ bền của vỏ nồi hơi giảm xuống, còn áp suất bên trong tăng lên.

- Đào tạo chuyên môn cho người vận hành lò hơi để họ nắm được khi xảy ra sự cố cạn nước trong nồi hơi, tuyệt đối không được đổ thêm nước vào nồi, bởi ở nhiệt độ cao, nước bốc hơi nhanh làm cho áp suất trong bình tăng cao đột ngột dẫn đến nổ lò hơi. Bên cạnh đó, người vận hành cần nhanh tay mở van an toàn áp trong nồi hạ xuống.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn hơi, tránh rò rỉ hơi nước ra ngoài.

- Định lượng chính xác lượng chất đốt đưa vào buồng đốt trong khoảng cho phép, tránh việc cho quá nhiều hoặc cho liên tục sẽ làm lượng nhiệt cấp tăng lên, dẫn đến áp suất trong nồi hơi tăng làm nguy cơ cháy nổ.

- Định kỳ 1 tháng vận hành phải kiểm tra lại toàn bộ lò hơi 1 lần. Chú ý các loại van ống thủy, áp kế và ống sinh hơi có hiện tượng rò rỉ hay không.

- Từ 3 – 6 tháng vận hành phải ngừng lò kiểm tra sửa chữa đột xuất nếu có hiện tượng hư hỏng các bộ phận áp lực của lò hơi có nguy cơ gây tai nạn nghiêm trọng.

- Quá trình vận hành lò, đặc biệt lưu ý khi thời tiết nắng nóng sẽ dễ gây ra các sự cố.

Một số kịch bản sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải của lò hơi và cách khắc phục như sau:

Bảng 3. 9. Một số kịch bản sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Kịch bản sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Sự cố tại buồng đốt làm xuất hiện khói đen	- Nhiệt độ buồng đốt bất thường, tăng số cấp nhiên liệu bất thường, tăng số quạt cấp 1 bất thường, áp suất quạt cấp 1 bất thường	- Ngừng cấp nhiên liệu vào lò đốt, tắt quạt hút khói, tắt quạt cấp. - Kiểm tra lại lượng oxy cấp vào lò thông qua quạt cấp 1, cấp 2
2	Sự cố đối với cyclone, tháp hấp thụ nồng độ bụi cao, vượt quy chuẩn	- Do hệ thống cyclone gặp sự cố, bị kẹt dính, van xả bụi không hoạt động - Máy bơm cấp nước cho tháp hấp thụ không hoạt động	- Tiến hành kiểm tra van xả bụi sau đó tiến hành khắc phục. - Vận hành bơm dự phòng đảm bảo cấp nước.

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

6.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với máy khí nén

Cơ sở có sử dụng máy nén khí, trong đó:

Để phòng ngừa, ứng phó với sự cố cháy nổ bình khí nén, dự án sử dụng các biện pháp sau:

- Dự án sử dụng các thiết bị nén khí từ những địa chỉ phân phối uy tín.
- Các máy nén khí được đặt tại nơi khô ráo, thoáng mát, nhiệt độ không vượt quá 40°C.
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng máy, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định để hạn chế các sự cố có thể xảy ra.
- Không sử dụng dầu bôi trơn không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc dầu tái chế bị pha lẫn các tạp chất.
- Tuân thủ đầy đủ và chính xác quy tắc vận hành theo quy định của nhà sản xuất. Chỉ để máy hoạt động trong mức áp suất cho phép. Ngoài ra, dự án không tự ý thay đổi cài đặt của máy.
- Sau khi vận hành 8 tiếng, dự án dừng nghỉ tầm 15 – 30 phút để nguội bình rồi mới sử dụng tiếp tục.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nội dung đề nghị cấp phép với nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải sản xuất được đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, không xả trực tiếp ra ngoài môi trường).

1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại ba ngăn. Cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải từ khu vực sấy - hấp được thu gom dẫn về bể nằm âm cuối khu vực sấy - hấp với thể tích bể gom là 5m³. Định kỳ 6 – 8 tháng, cơ sở liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất từ khu vực sấy hấp → Bể gom → Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo quy định.

1.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom nước thải phát sinh từ hoạt động của công ty. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý, đảm bảo không phát sinh ra bên ngoài môi trường.

- Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành nồi hơi công suất 2 tấn/giờ.

b. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 7.000 m³/giờ.

c. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau khi qua hệ thống xử lý khí thải thải ra môi trường.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 0,8$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất lượng khí thải của cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; $K_p=1,0$; $K_v=0,8$
1	Bụi	m^3/h	160
2	NO_x	mg/Nm^3	680
3	CO	mg/Nm^3	800
4	SO_2	mg/Nm^3	400

Nguồn: QCVN 19:2009/BTNMT

e. Vị trí, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí

+ 01 vị trí tại 01 ống phát thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi đang hoạt động thoát ra môi trường, trong khuôn viên cơ sở tại Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1.306.517$; $Y = 575.292$.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^015'$, múi chiếu 3^0).

- Phương thức xả khí thải: gián đoạn (08 giờ/ngày).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy sàng điều;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy chế;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy bắn màu;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đóng gói tự động;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đánh lụa;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy nén khí.

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: $X = 1.306.518$; $Y = 575.266$;
- Nguồn số 02: $X = 1.306.509$; $Y = 575.263$;
- Nguồn số 03: $X = 1.306.545$; $Y = 575.292$;
- Nguồn số 04: $X = 1.306.559$; $Y = 575.287$;
- Nguồn số 05: $X = 1.306.553$; $Y = 575.308$;

- Nguồn số 06: X = 1.306.570; Y = 575.311.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰)

b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Bảng 4. 2. Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

St t	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép (Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép)		Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Ghi chú
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

Ghi chú:

QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung./.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng năm (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	-	NH
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	-	NH
3	Mực un thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	-	KS
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	-	KS
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	-	NH
6	Bao bì cứng thải bằng kim	18 01 02	Rắn	-	KS

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng năm (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
	loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn				
7	Dầu động cơ gốc khoáng thải không có Clo	17 02 02	Lỏng	-	NH
8	Dầu động cơ tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	-	NH
9	Các loại dầu động cơ thải khác	17 02 04	Lỏng	-	NH
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	-	KS
-	Tổng cộng	-	-	-	-

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	3.820	Rắn	14 04 03	TT - R
Tổng		3.820	-	-	-

4.1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	2,184
Tổng		2,184

4.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022.

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy, thùng nhựa có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:

+ Diện tích kho: 5 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng vật liệu chống thấm, có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: tại máng thu.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy.

- Khu vực tập kết: Trước cổng Công ty.

Thu gom: Bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 60 lít. Cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ đưa chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 120 lít.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA SƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, cơ sở đã triển khai các công tác bảo vệ môi trường.

➤ **Đối với khí thải:**

Cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho nồi hơi đạt chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_v = 0,8$, $K_p = 1,0$ – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi phát thải ra môi trường. Hệ thống được vận hành ổn định, có kiểm tra, bảo trì định kỳ để đảm bảo hiệu quả và tránh xảy ra sự cố.

➤ **Đối với nước thải:**

~ Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng và nhà vệ sinh được thu gom qua bể tự hoại, sau đó công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý đảm bảo không phát sinh ra ngoài môi trường.

~ Nước thải sản xuất từ quá trình sấy – hấp hạt điều cũng được thu gom riêng và ký hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý để không phát sinh ra ngoài môi trường.

➤ **Đối với chất thải rắn:**

~ Chất thải rắn nguy hại: Cơ sở có kho chứa chất thải nguy hại diện tích 4 m², đạt yêu cầu kỹ thuật có mái che, biển cảnh báo, nhãn dán. Công ty đã ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý để chuyển giao và xử lý.

~ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Vỏ điều được thu gom ngay trong dây chuyền sản xuất, được chứa trong máng thu vỏ với thể tích 250 m³. Công ty ký hợp đồng mua bán vỏ điều với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lưu Danh.

~ Rác sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom và chứa trong các thùng chứa có nắp đậy làm bằng vật liệu HDPE, tới cuối ngày hoặc khi đầy công nhân sẽ đem ra tập kết trước khu vực cổng Công ty với diện tích 5m².

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Không có.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

3.1. Thông tin đơn vị quan trắc

- ~ Đơn vị phân tích mẫu: Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam.
- + Địa chỉ: 54E Đường 18, Khu phố 3, Thủ Đức, TP.HCM.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 308.

3.2. Kết quả quan trắc không khí xung quanh

- ~ Vị trí quan trắc: 02 vị trí.
- + 01 vị trí khu vực cổng ra vào (KK1).

- + 01 vị trí khu vực xưởng sản xuất (KK2).
- ~ Thời gian quan trắc: Ngày 13/7/2024.
- ~ Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.
- ~ Tần suất quan trắc: 01 lần/năm.

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc không khí xung quanh tại khu vực cổng

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả KK1	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	30,5	-	-
2	Độ ẩm tương đối	%RH	55	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,5	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	63	6h – 21h: 70	-
5	Tổng bụi lơ lửng	µg/Nm ³	150	-	300
6	SO ₂	µg/Nm ³	140	-	350
7	NO ₂	µg/Nm ³	130	-	200
8	CO	µg/Nm ³	3.010	-	30.000

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam)

Bảng 5. 2. Kết quả không khí tại khu vực làm việc

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả KK2	QCVN 24:2016/ BYT	QCVN 26:2016/ BYT	QCVN 02:2019/ BYT	QCVN 03:2019/ BYT
1	Nhiệt độ	°C	31,3	-	18 – 32	-	-
2	Độ ẩm tương đối	%RH	59	--	40 – 80	--	--
3	Tốc độ gió	m/s	0,4	--	0,2 – 1,5	--	--
4	Tiếng ồn	dBA	65	85	--	--	--
5	Tổng bụi lơ lửng	mg/m ³	0,20	--	--	8,0	--

6	SO ₂	mg/m ³	0,21	--	--	--	5,0
7	NO ₂	mg/m ³	0,19	--	--	--	5,0
8	CO	mg/m ³	4,35	--	--	--	5,0

(Nguồn: Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam)

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải

4.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	2,184
Tổng		2,184

+ **Lưu trữ:** Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt được bố trí gần cổng Cơ sở với diện tích khoảng 4 m² (thuộc phạm vi của Cơ sở).

+ **Xử lý:** Chất thải phát sinh được đơn vị dịch vụ công ích địa phương đến để thu gom xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/ngày.

4.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng phát sinh:

Stt	Nhóm chất thải rắn	Khối lượng năm 2024 (tấn/năm)	Trạng thái (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Vỏ điều	854	Rắn	14 04 03	TT - R
Tổng		854	-	-	-

Lưu trữ:

~ Công ty bố trí khu vực lưu chứa vỏ điều ở cuối nhà xưởng với thể tích 108m³ bằng máng thu được làm bằng thép, cách mặt đất 4m, có mái che → Bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

Xử lý: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Lưu Danh, tần suất thu gom dựa vào khối lượng chất thải phát sinh để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh (Tần suất thu gom 1 lần/tháng).

4.3. Đối với chất thải rắn nguy hại

Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Kí hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	-	NH
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	-	NH
3	Mực un thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	-	KS
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	-	KS
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	-	NH
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	-	KS
7	Dầu động cơ gốc khoáng thải không có Clo	17 02 02	Lỏng	-	NH
8	Dầu động cơ tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	-	NH
9	Các loại dầu động cơ thải khác	17 02 04	Lỏng	-	NH
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	Lỏng	-	KS
-	Tổng cộng	-	-	-	-

Xử lý: Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu trữ là xử lý CTNH với Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo Hợp đồng số 000500/2025/CGQ đến thu gom và vận chuyển chất thải đến nơi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/lần. (Hợp đồng được đính kèm ở phụ lục)

5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, cơ sở không có hoạt động kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của Cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 6. 1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

TT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	01 Hệ thống xử lý khí thải	Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực	3 tháng	50% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	100% công suất hoạt động chính thức.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Giai đoạn vận hành thử nghiệm của Công ty được thực hiện 3 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực, chủ cơ sở cam kết chỉ vận hành thử nghiệm sau khi các công trình xử lý chất thải đạt yêu cầu đưa vào vận hành thử nghiệm.

Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và trong giai đoạn kết thúc vận hành như sau:

Bảng 6. 2. Kế hoạch quan trắc trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mẫu	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn vận hành ổn định: 3 ngày liên tiếp					
1.	Tại ống thải của hệ thống xử lý khí	Bụi, SO ₂ , NO _x , CO	Sau khi kết thúc vận	1	Mẫu đơn	QCVN 19:2009/BTNMT,

Stt	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Số mẫu	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
	thải lò hơi (đang hoạt động)		hành thì tiến hành lấy 3 mẫu đầu ra trong 3 ngày liên tiếp			cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 0,8$

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Quan trắc nước thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Quan trắc khí thải:

Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Chủ cơ sở đề xuất chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 6. 3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Hạng mục	Chất ô nhiễm	Giá trị giới hạn	Quy chuẩn áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Khí thải sau hệ thống xử lý lò hơi đang hoạt động và lò hơi dự phòng	Bụi	160	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1,0, Kv=0,8	6 tháng/lần (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
	NO _x	680			
	CO	800			
	SO ₂	400			
Chất thải	Giám sát khối lượng, thu gom, phân loại, lưu trữ, tần suất thu gom và hợp đồng xử lý các loại CTR phát sinh	-	Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	Khối lượng, hợp đồng thu gom và chứng từ thu gom của Đơn vị có chức năng thu gom	-

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Việc thực hiện quan trắc môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng trong công tác kiểm soát chất lượng môi trường. Để đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ô nhiễm môi trường và đánh giá hiệu quả của các biện pháp khống chế ô nhiễm, chương trình giám sát chất lượng môi trường sẽ được áp dụng trong suốt thời gian hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 6. 4. Tóm tắt kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Stt	Nội dung	Số lượng	Thành tiền (đồng)	Kế hoạch thực hiện
1	Giám sát bụi, khí thải	02	6.000.000	6 tháng/lần
3	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm	01	5.000.000	1 năm/lần
	Tổng	-	11.000.000	-

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh Mỹ)

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Khánh My xin cam kết:

Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.

Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Nước thải: Nước thải sản xuất phát sinh được thu gom không xả thải ra môi trường.

Về chất thải rắn: Được quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Về bụi và khí thải: Bụi và khí thải phát sinh được thu gom và xử lý QCVN 19:2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B, Kp=1,0, Kv=0,8) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt.

Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của cơ sở.

Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ theo quy định.

Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của cơ sở hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.

Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên ./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3800368327

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 05 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 03 tháng 08 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT
THƯƠNG MẠI KHÁNH MY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH MY PRODUCTION TRADING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH SX TM KHÁNH MY

2. Địa chỉ trụ sở chính

Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0985.132142

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

20.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/06/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070171000684

Ngày cấp: 10/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *19/06/1971*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *070171000684*

Ngày cấp: *10/04/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khu phố 2, Phường Long Phước, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình
Phước, Việt Nam*



[Handwritten signature]

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trịnh Ngọc Linh



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

SAO Y
Ngày.....



Số AP 677210

Đổng Trọng Trí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V-

ỦY BAN NHÂN DÂN
Huyện Phước Long - Tỉnh Bình Phước

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông: Nguyễn Đông Kinh

Năm sinh: 1968

Số CMND: 285157640 cấp ngày: 08/2003 Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Bà: Dương Thị Ngọc Dung

Năm sinh: 1971

Số CMND: 285294974 cấp ngày: 24/04/2007 Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Thường trú: Khu 4, TT. Phước Bình, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 109

2. Tờ bản đồ số: 21

Vị trí đất SKC

3. Địa chỉ thửa đất: Thôn Phước Tân, Xã Bình Tân, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước

4. Diện tích: 3747 m²

Bằng chữ: (Ba ngàn bảy trăm bốn mươi bảy mét vuông)

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 3747 m²

+ Sử dụng chung: Không m²

6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300m²; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh 1000m²; Đất trồng cây lâu năm 2447m²;

Đất ở tại nông thôn: lâu dài; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: lâu dài; Đất trồng cây

7. Thời hạn sử dụng: lâu năm đến hết: 12/2048

III- Tài sản gắn liền với đất

8. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất * Đã được chuyển MĐSD từ đất CLN sang đất SKC 1000m²

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

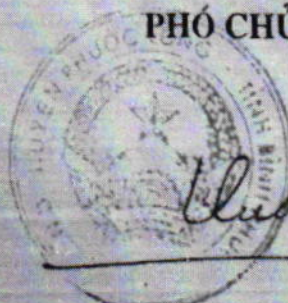


Tỷ lệ 1: 1000

rông

rông cây

Ngày 29 tháng 9 năm 2009
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H. 00440/PS

Hoàng Xuân Lương

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
30/12/2012	Kèm theo GCN có trang bổ sung số 01	

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

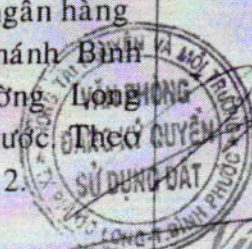
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 109

Số phát hành GCN: AP 677210

Tờ bản đồ số: 21

Số vào sổ cấp GCN: H 00414/ĐS

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
30/03/2012	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Phước Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1229 ngày 30 tháng 03 năm 2012.	 Vũ Minh Sơn
19/07/2013	- Đã xóa đăng ký thế chấp ngày 19/07/2013. Theo hồ sơ số 3378.	PHÓ GIÁM ĐỐC  Vũ Minh Sơn
19/07/2013	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Phước Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 3381 ngày 19 tháng 07 năm 2013.	PHÓ GIÁM ĐỐC  Vũ Minh Sơn
04/03/2015	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 19/07/2013. Theo hồ sơ số 1443.	GIÁM ĐỐC  Vũ Minh Sơn
04/03/2015	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Phước Long, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1444 ngày 04 tháng 03 năm 2015.	GIÁM ĐỐC  Vũ Minh Sơn

Trong bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

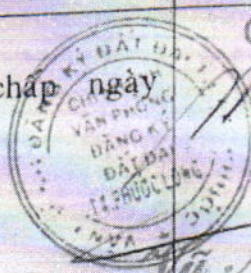
109

Tờ bản đồ số:

21

Số phát hành GCN: AP 677210

Số vào sổ cấp GCN: H 00414/ĐS

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
28/12/2015	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 04/03/2015. Theo hồ sơ số 7241.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
22/02/2016	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CN BÌNH PHƯỚC - PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1133 ngày 22/02/2016.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
06/03/2017	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 22/02/2016. Theo hồ sơ số 1717.	 Vũ Thị Chiền HỘ GIÁM ĐỐC
06/03/2017	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CN BÌNH PHƯỚC - PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1718 ngày 06/03/2017.	 Vũ Thị Chiền HỘ GIÁM ĐỐC
02/01/2018	- Nội dung đăng ký thế chấp ngày 06/03/2017 có thay đổi: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Cty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Khánh My, ĐKKD số: 3800368327, Đ/c: P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người đại diện là ông (bà): Dương Thị Ngọc Dung với Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CN BÌNH PHƯỚC - PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 14 ngày 02/01/2018.	

Trang bổ sung số: 02

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

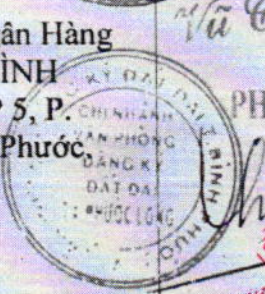
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 109

Tờ bản đồ số: 21

Số phát hành GCN: AP 677210

Số vào sổ cấp GCN: H 00414/ĐS

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
05/01/2018	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 06/03/2017. Theo hồ sơ số 107.	 GIÁM ĐỐC <i>Chun</i>
05/01/2018	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Cty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Khánh My, ĐKKD số 3800368327. Đ/c: P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người đại diện là ông(bà): Dương Thị Ngọc Dung với Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 108 ngày 05/01/2018.	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Chun</i> <i>Vũ Thị Chiền</i>
12/01/2021	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 05/01/2018. Theo hồ sơ số 247	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Chun</i> <i>Vũ Thị Chiền</i>
12/01/2021	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 248 ngày 12/01/2021	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Chun</i> <i>Vũ Thị Chiền</i>  

Trang bổ sung số: 03

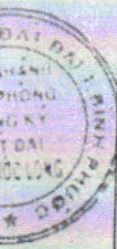
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

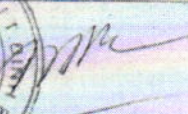
Thửa đất số: 109

Tờ bản đồ số: 21

Số phát hành GCN: AP 677210

Số vào sổ cấp GCN: H 00414/ĐS



Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
30/08/2021	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 12/01/2021. Theo hồ sơ số 6215.	 Vũ Minh Sơn GIÁM ĐỐC
30/08/2021	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CN BÌNH PHƯỚC Đ/c lô 21-22 Q14, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 6216 ngày 30/08/2021	

Vũ Minh Sơn

Trang bổ sung số: 04

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông **Nguyễn Đông Kinh**

Sinh năm 1968, Số giấy CMND 285157640

Bà **Dương Thị Ngọc Dung**

Sinh năm 1971, Số giấy CMND 285294974

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Long Phước, TX. Phước Long,
tỉnh Bình Phước.

BA 824540

II. Thửa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 263, Tờ bản đồ số: 21
- b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố 2, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- c) Diện tích: 234 m², (bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng 234 m², chung không m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m²; Đất trồng cây lâu năm 134m²
- e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị lâu dài; Đất trồng cây lâu năm đến hết 12/2048
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Phước Long, ngày 11 tháng 5 năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

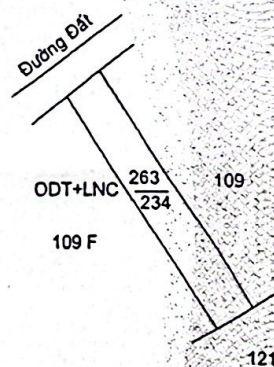


Hoàng Xuân Lương

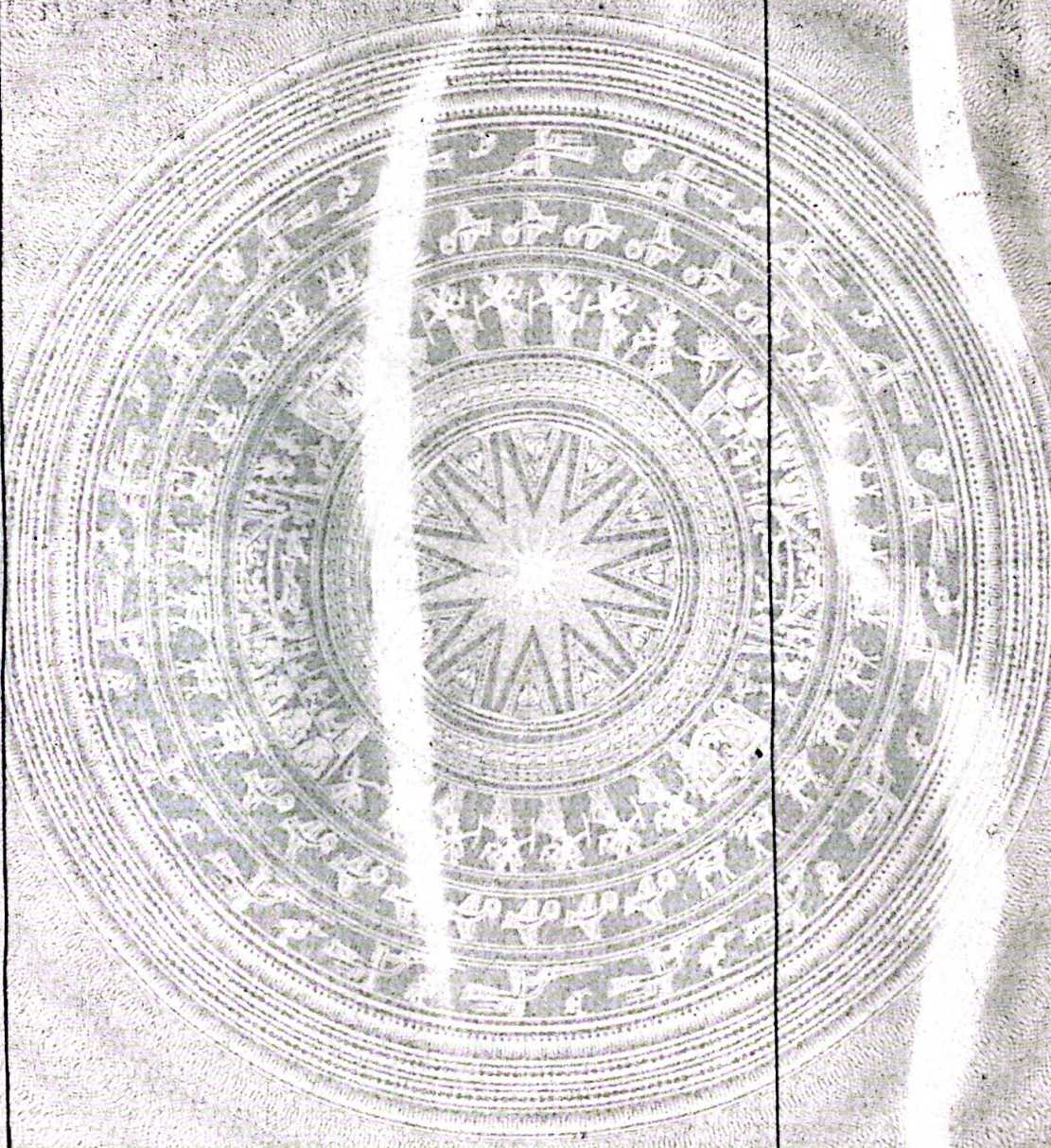
Số vào sổ cấp GCN: H.00238/EN.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ Lệ 1/1000



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

Số: 942/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phước Long, ngày 19 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v Cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ - CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét đề nghị tại Tờ trình số: 904/TT-TNMT ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông(bà) Nguyễn Đông Kinh - Dương Thị Ngọc Dung

Địa chỉ thường trú: Khu phố 4, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước.

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **263** Tờ bản đồ số: **21**
- b) Địa chỉ: Khu phố 2, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước.
- c) Diện tích: 234m², (bằng chữ: Hai trăm ba mươi bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng 234m², chung không m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m²; Đất trồng cây lâu năm 134m²
- e) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị lâu dài; Đất trồng cây lâu năm đến hết 12/2048
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

3. Công trình xây dựng khác: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

5. Cây lâu năm: Chưa chứng nhận quyền sở hữu.

6. Ghi chú:

Điều 2. Các ông(bà) Chánh văn phòng HĐND - UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, Chủ tịch UBND Phường Long Phước và người sử dụng đất có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT - UB;
- Lưu VT - TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông Nguyễn Đông Kinh

Sinh năm 1968, Số giấy CMND 285157640

Bà Dương Thị Ngọc Dung

Sinh năm 1971, Số giấy CMND 285294974

Địa chỉ thường trú: Khu phố 2, phường Long Phước, TX. Phước Long,
tỉnh Bình Phước

BH 535950

1. Thừa đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

a) Thừa đất số: 357;

Tờ bản đồ số: 21

b) Địa chỉ thửa đất: Khu phố 2, phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước

c) Diện tích: 378m², (bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tám mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng 378m²

Chung: không m²

e) Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 200m², đất trồng cây lâu năm: 178m²

f) Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến 12/2048.

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

2. Nhà ở:

-/-

3. Công trình xây dựng khác:

-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng:

-/-

5. Cây lâu năm:

-/-

6. Ghi chú:

Phước Long, ngày ...26... tháng ...10... năm 201

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

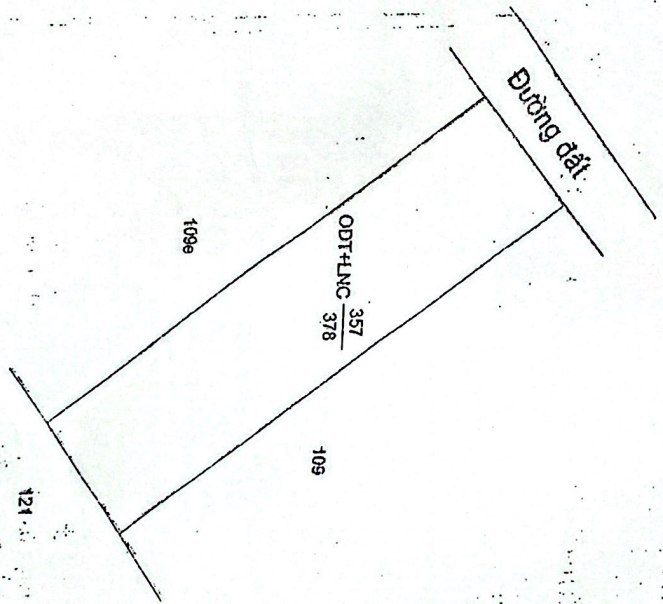
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

Số và số cấp GCN: H.01.622/CN

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



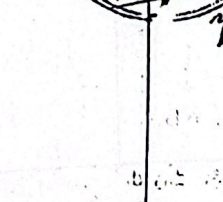
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 357

Tờ bản đồ số: 21

Số phát hành GCN: BH 535950

Số vào sổ cấp GCN: H 01622/CN

Ngày,tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
01/03/2013	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1194 ngày 01 tháng 03 năm 2013.	 <i>Minh Sơn</i> GIÁM ĐỐC
04/03/2015	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 01/03/2013. Theo hồ sơ số 1443.	 <i>Minh Sơn</i> GIÁM ĐỐC
04/03/2015	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1444 ngày 04 tháng 03 năm 2015.	 <i>Minh Sơn</i> GIÁM ĐỐC
07/03/2017	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 04/03/2015. Theo hồ sơ số 1770.	 <i>Vũ Thị Chiền</i> PHÓ GIÁM ĐỐC
07/03/2017	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG. Đ/C KP 5 Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1771 ngày 07/03/2017.	 <i>Vũ Thị Chiền</i> PHÓ GIÁM ĐỐC

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý.

Trang bổ sung số: 01

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

357

Tờ bản đồ số:

21

Số phát hành GCN: BH 535950

Số vào sổ cấp GCN: H 01622/CN

Ngày, tháng, năm

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

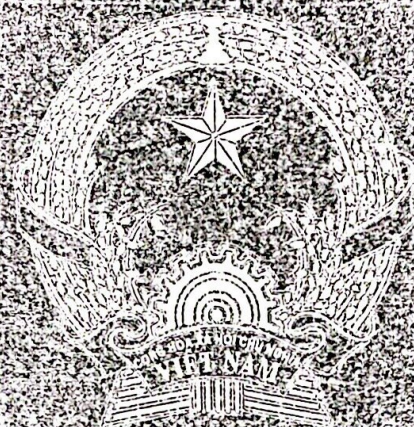
02/01/2018

- Nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/03/2017 có thay đổi: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Cty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Khánh Mỹ. ĐKKD số: 3800368327, Đ/c P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước, người đại diện là ông (bà): Dương Thị Ngọc Dung với Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN - CN BÌNH PHƯỚC - PGD PHƯỚC LONG.. Đ/C KP 5/P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 13 ngày 02/01/2018.

GIÁM ĐỐC
[Signature]
Vũ Thị Chiên

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 02



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

5
1
1
n
a
m

Kp2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
Huyện Phước Long - Tỉnh Bình Phước

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

Ông: Nguyễn Đông Kinh

Năm sinh: 1968

Số CMND: 285157640

cấp ngày:

08/2003

Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Bà: Dương Thị Ngọc Dung

Năm sinh: 1971

Số CMND: 285294974

cấp ngày:

24/04/2007

Nơi cấp: CA Tỉnh Bình Phước

Thường trú:

Khu 4, TT. Phước Bình, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước

II- Thửa đất được quyền sử dụng

1. Thửa đất số: 94

2. Tờ bản đồ số: 21

3. Địa chỉ thửa đất: Thôn Phước Tân, Xã Bình Tân, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước

4. Diện tích: 187m²

Bằng chữ: (Một trăm tám mươi bảy mét vuông)

5. Hình thức sử dụng:

+ Sử dụng riêng: 187m²

+ Sử dụng chung: Khôngm²

6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn

7. Thời hạn sử dụng: Lâu dài

8. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất * Đã được chuyển

III- Tài sản gắn liền với đất MĐSD từ đất CLN sang đất ONT 187m²

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất

Tỷ lệ 1:500

ĐƯỜNG DỊ NT 4

Ông Hòa

CNT+LNC $\frac{94}{187}$

Bà Thà

Bà Thà

Ngày 26 tháng 3 năm 2009
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

Số vào sổ cấp GCN QSDĐ: H 00325/LH

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
24/2/2014	Kèm theo GCN có trang hồ sơ số 01	

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

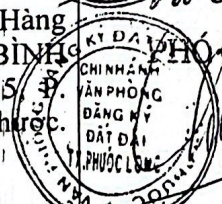
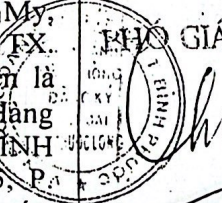
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 94

Tờ bản đồ số: 21

Số phát hành GCN: AO 101983

Số vào sổ cấp GCN: H 00325/CN

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/03/2017	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 04/03/2015. Theo hồ sơ số 1770.	 <i>Vũ Thị Chiền</i>
07/03/2017	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG, Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1771 ngày 07/03/2017.	 <i>Vũ Thị Chiền</i>
02/01/2018	- Nội dung đăng ký thế chấp ngày 07/03/2017 có thay đổi: Thế chấp bằng quyền sử dụng đất cho Cty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Khánh Mỹ, ĐKKD số: 3800368327, Đ/c: P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Người đại diện là ông (bà): Dương Thị Ngọc Dung với Ngân Hàng TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – CN BÌNH PHƯỚC – PGD PHƯỚC LONG, Đ/C KP 5, P. Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 13 ngày 02/01/2018.	 <i>Vũ Thị Chiền</i>

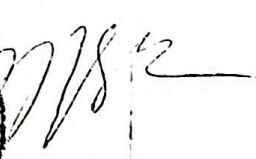
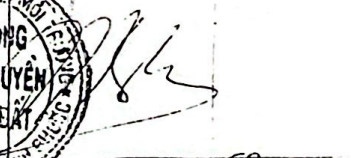
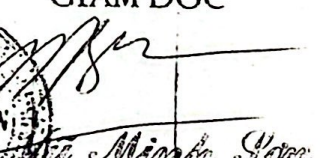
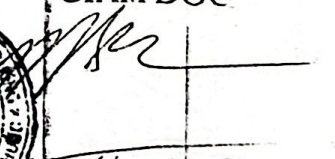
Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 02

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 94
Số phát hành GCN: AO 101983

Tờ bản đồ số: 21
Số vào sổ cấp GCN: H 00325/CN

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan PHÒNG SỞ THẨM QUYỀN
24/07/2012	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 2488 ngày 24 tháng 07 năm 2012.	  PHÒNG SỞ THẨM QUYỀN
17/07/2013	- Hủy xóa đồng thời thế chấp ngày 17/07/2013. Theo hồ sơ số 3351.	  PHÒNG SỞ THẨM QUYỀN
17/07/2013	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 3350 ngày 17 tháng 07 năm 2013.	  PHÒNG SỞ THẨM QUYỀN
04/03/2015	- Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 17/07/2013. Theo hồ sơ số 1443.	  GIÁM ĐỐC
04/03/2015	- Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước. PGD Phước Long. Đ/c phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Theo hồ sơ số 1444 ngày 04 tháng 03 năm 2015.	  GIÁM ĐỐC

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

Số: 331/GP-XD

Phước Long, ngày 15 tháng 7 năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1/ Cấp cho ông (bà): **NGUYỄN ĐÔNG KINH**

Địa chỉ: khu 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2/ Được phép xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ (nhà cấp III).

Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT 01 đến KT 13.

Do công ty TNHH quy hoạch kiến trúc xây dựng KT lập: tháng 07 năm 2014.

- Gồm các nội dung sau:

+ Địa điểm xây dựng: thửa đất số 357, tờ bản đồ số 21, diện tích 200/378 m², tại khu 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,30 m (so với mặt đất tự nhiên).

+ Mật độ xây dựng: 52,91 %, hệ số sử dụng đất: 0,53.

+ Vị trí xây dựng: từ tim đường khu dân cư vào chân công trình (trục A) là: 16,5m (mười sáu phẩy năm mét).

+ Diện tích xây dựng: 200 m².

+ Tổng diện tích sàn: 200 m².

+ Chiều cao tầng 1: 5,1 m.

+ Chiều cao công trình: 6,6 m; số tầng: 1 tầng.

3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H 01622/CN do UBND thị xã Phước Long cấp ngày 26 tháng 10 năm 2012.

4/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Đội QLTT đô thị;
- UBND phường Long Phước;
- Chi Cục Thuế;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Số: 408/GP-XD

Phước Long, ngày.../9...tháng 9...năm 2014

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1/ Cấp cho ông (bà): **NGUYỄN ĐÔNG KINH**

Địa chỉ: khu 4, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2/ Được phép xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ (nhà cấp III).

Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: KT 01 đến KT 13.

Do công ty TNHH quy hoạch kiến trúc xây dựng KT lập: tháng 09 năm 2014.

- Gồm các nội dung sau:

+ Địa điểm xây dựng: thửa số 109, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.300/3.747 m²,
tại khu 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

+ Cốt nền xây dựng công trình: 0,20 m (so với mặt đất tự nhiên).

+ Mật độ xây dựng: 8,81 %, hệ số sử dụng đất: 0,09.

+ Vị trí xây dựng: từ tim đường đi NT4 vào chân công trình (trục 1) là: 153m
(một trăm năm mươi ba mét).

+ Diện tích xây dựng: 330 m².

+ Tổng diện tích sàn: 330 m².

+ Chiều cao tầng 1: 5,1 m.

+ Chiều cao công trình: 6,6 m; số tầng: 1 tầng.

3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H 00414/ĐS do UBND
huyện Phước Long cấp ngày 29 tháng 09 năm 2009.

4/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể
từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Quản lý đô thị;
- Đội QLTT đô thị;
- UBND phường Long Phước;
- Chi Cục Thuế;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Lương

Số : 255 / GP-XD

Phước Long, ngày 23...tháng 10...năm 2009

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1/ Cấp cho ông (bà) : **NGUYỄN ĐÔNG KINH VÀ DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG**

- Địa chỉ: Thôn Phước Tân , xã Bình Tân, H.Phước Long, T.Bình Phước.

- Số nhà: Thôn Phước Tân , xã Bình Tân, H.Phước Long, T.Bình Phước.

2/ Được phép xây dựng công trình: Nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho, nhà ở công nhân.

Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu : KT 01, đến 42.

Do: Cty TNHH tư vấn xây dựng Tiến Lợi lập tháng 10 năm 2009.

Gồm các hạng mục sau đây: Nhà làm việc: Móng, cột, đà kiềng, BTCT đá 1x2 Mác 200, tường gạch ống, mái lợp tôn. Nền lát gạch Ceramic, các chi tiết khác theo thiết kế.

Nhà kho và nhà xưởng: Móng BT đá 1x2, cột thép ống, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, các chi tiết khác theo thiết kế.

Nhà ở công nhân: Móng xây đá chẻ, cột và tường xây gạch mái lợp tôn, nền lát gạch tàu, các chi tiết khác theo thiết kế.

- Diện tích xây dựng tầng một : 1051,2 m² Trong đó:

Nhà làm việc: 109,2m²; Nhà xưởng: 559,5m²; Nhà kho: 172,5m²; Nhà ở CN: 210m²

- Chiều cao công trình: 4 m ; Số tầng: 1 tầng

- Trên lô đất : 109 Diện tích : 1300/3747m²

- Cốt nền xây dựng công trình: 0,45m

- Chỉ giới xây dựng: Từ tim đường liên xã vào chân công trình là: 15 mét.
(Mười lăm mét)

- Màu sắc công trình:

Tại : Thôn Phước Tân , xã Bình Tân, H.Phước Long, T.Bình Phước.

Số nhà: Đường thôn , xã Bình Tân, H.Phước Long, T.Bình Phước.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : H 00414/ĐS. QSDĐ - do UBND huyện Phước Long cấp ngày 29 tháng 09 năm 2009.

3/ Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp . Quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép. /

Nơi nhận :

-Như trên

-Phòng Công Thương

-Chi Cục Thuế

-Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

Thực hiện Kế hoạch số 61/KH-CAT-PC07 ngày 01/03/2024 của Công an tỉnh Bình Phước về việc kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo chuyên đề năm 2024.

Hồi 10 giờ 00 ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Công ty TNHH MTV SX TM Khánh My

Địa chỉ: Khu phố 2, Phường Long Phước, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Chúng tôi:

Đại diện Tổ kiểm tra thuộc Phòng CS.PCCC&CNCH – CAT.Bình Phước

1. Ông: Nguyễn Việt Cường - Đại úy - Cán bộ.

2. Ông: Kiều Xuân Hải - Đại úy - Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với Kho chứa hàng hóa tiêu dùng của Công ty TNHH MTV SX TM Khánh My, với đại diện là:

- Bà: Dương Thị Ngọc Dung Chức vụ: Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Trình bày của cơ sở:

Công ty thiết kế xây dựng nhà xưởng chế biến hạt điều có khoảng 1700m². Trong năm 2023, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thua lỗ, nhiều lần tạm ngưng hoạt động nên việc thực hiện các quy định về PCCC chưa đầy đủ. Dự kiến nếu tình hình kinh tế khó khăn, thị trường tiêu thụ điều của nước ngoài hạn chế, công ty sẽ ngưng hoạt động để cân đối tài chính. Công ty mong cơ quan có thẩm quyền tạo điều kiện cho công ty có thời gian khắc phục thiếu sót về PCCC.

Hiện tại, Công ty đã lắp đặt xong hệ thống PCCC cho toàn bộ công trình nhà xưởng và đã đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, do còn khó khăn và vướng mắc về hồ sơ nghiệm thu về PCCC và công ty đã phối hợp đơn vị tư vấn thiết kế PCCC để hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu PCCC trong thời gian tới. Dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2024. Công ty cam kết trong quá trình hoạt động, sẽ khắc phục kịp thời các kiến nghị của Phòng CS.PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước.

II. Kiểm tra hồ sơ

- Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở xuất trình được Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp: 3800368327 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký thay đổi lần 7, ngày 03 tháng 08 năm 2022.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 177/TD-PCCC do Phòng CS.PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/9/2022.

III. Tình hình kiểm tra thực tế

- Kiểm tra quy mô công trình: Tại thời điểm kiểm tra, ghi nhận hạng mục công trình nhà xưởng có diện tích khoảng 1700m², chiều cao công trình 07m, tương đương khối tích 11.900m³, với kết cấu nhà khung thép, mái lợp tôn, nền bê tông; Công năng

sử dụng: cne dier, sản xuất và đóng gói hạt điều xuất khẩu; Hạng sản xuất: hạng C về nguy hiểm cháy.

Tại thời điểm kiểm tra, cơ sở đã xuất trình được giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC 177/TD-PCCC do Phòng CS.PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/9/2022, hợp đồng thi công hệ thống PCCC giữa chủ đầu tư và Công ty TNHH MTV Nguyễn Ngọc Số: 07/23/PCCC/ND-NN, ký ngày 09/3/2023. Qua kiểm tra thực tế, ghi nhận thực tế đã thi công lắp đặt xong hệ thống cấp nước chữa cháy, 02 máy bơm chữa cháy: 01 bơm điện, 01 bơm động cơ nổ, 01 bơm bù áp, 01 bể nước có khối tích 150m³; hệ thống chữa cháy tự động Spinkler; hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng cho công trình.

IV. Kết luận và kiến nghị

Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, căn cứ các quy định của pháp luật về PCCC hiện hành. Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước yêu cầu người đứng đầu cơ sở thực hiện các nội dung sau:

1. Hoàn thiện hệ thống PCCC cho công trình và thủ tục hồ sơ để được nghiệm thu về PCCC cho công trình nhà xưởng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ. Cơ sở chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 5, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ và có văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC của cơ quan Công an theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

(Yêu cầu cơ sở hoàn thành trước ngày 27/4/2024).

2. Sau khi cơ sở được nghiệm thu về PCCC người đứng đầu cơ sở tiếp tục tổ chức thực hiện các nội dung sau:

- Lập hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động PCCC theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an và hồ sơ theo dõi, quản lý hoạt động CNCH theo quy định tại Điều 9 Thông tư 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an - Cơ sở tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, quy định, kỹ năng thao tác, sử dụng hệ thống, phương tiện PCCC cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên, người lao động, tổ chức thực tập phương án chữa cháy, thoát nạn đảm bảo chủ động công tác PCCC và CNCH;

- Tổ chức duy trì công tác thường trực sẵn sàng về phương tiện và lực lượng PCCC tại cơ sở đảm bảo xử lý tình huống cháy nhanh chóng, kịp thời và có hiệu quả;

- Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm duy trì thường xuyên công tác tự kiểm tra an toàn PCCC trong phạm vi quản lý theo quy định tại điều 16 Nghị định 136/2020/NĐ-CP; định kỳ 06 tháng/1 lần báo cáo kết quả công tác PCCC tại cơ sở về Phòng CS.PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Phước.

- Định kỳ phải thực hiện việc kiểm tra hệ thống điện tại cơ sở, việc kiểm tra phải do người có chuyên môn về điện thực hiện để hạn chế nguy cơ phát sinh cháy nổ nguồn nhiệt xuất phát từ dây dẫn điện và thiết bị tiêu thụ điện (chạm chập, quá tải, ngắn mạch,...) *(phải có biên bản ghi nhận việc kiểm tra và hình ảnh kèm theo để lưu vào hồ sơ quản lý cơ sở)*.

- Cơ sở phải thường xuyên nhắc nhở nhân viên, khách hàng chấp hành nội quy, quy định an toàn về PCCC tại cơ sở và phải có các biện pháp quản lý chặt chẽ việc sử dụng an toàn các chất cháy, chất nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy. Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời theo quy định tại Điều 14 Luật phòng cháy và chữa cháy.

*** Ý kiến cơ sở:** *Cơ sở cam kết thực hiện đúng kiến nghị của đoàn kiểm tra Phòng CS.PCCC và CNCH công an tỉnh Bình Phước, nếu cơ sở không thực hiện đúng thời gian quy định trên, sẽ chấp nhận hình thức xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.*

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây/.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



Trương Thị Ngọc Dung

**ĐẠI DIỆN
TỔ KIỂM TRA**

Đại úy Nguyễn Viết Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG

Số: 46 /GXN-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&

Phước Long, ngày 19 tháng 7 năm 2007

GIẤY XÁC NHẬN
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Xưởng chế biến hạt điều - Doanh nghiệp tư nhân Khánh My
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG
XÁC NHẬN

Điều 1. Doanh nghiệp tư nhân Khánh My đã trình Bản cam kết bảo vệ môi trường ngày 4 / 7 /2007 cho Xưởng chế biến hạt điều. Khu 4, TT Phước Bình, huyện Phước Long.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường .

Điều 3. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp tư nhân Khánh My là cơ sở để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, nếu có sự gia tăng công suất hay thay đổi chủng loại mặt hàng sản xuất, Doanh nghiệp phải thông báo cho UBND huyện biết trước khi có sự thay đổi.

Điều 4. Sau khi thực hiện xong các công trình bảo vệ môi trường, Doanh nghiệp phải báo cáo bằng văn bản gửi UBND huyện Phước Long để kiểm tra. Thời hạn để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tối đa là 04 tháng kể từ ngày ra văn bản./.

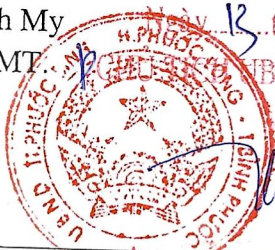
Nơi nhận:

- DNTN Khánh My
- Phòng.TN&MT
- Lưu VT

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 546 Quyền số 01 SCT/BS

Ngày 13 tháng 10 năm 2007
UBND TT PHƯỚC BÌNH



TM. UBND HUYỆN
CHỦ TỊCH



Trương Duy Diễm

Lê Thị Mai

Tổ chức (User): **CÔNG TY TNHH SX TM KHÁNH MY**

Trụ sở chính (Head office): Khu phố 2, Phường Long Phước,
Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đối tượng kiểm định (Object): **NỒI HƠI**

Mã hiệu (Model): TLP-2000-10

Số nhận dạng (Serial): TLP-2021-17

Năm chế tạo (Date): 2021

Nhà chế tạo (Manufacturer): Tien Loc Phat Production boiler Co., Ltd

Đặc tính kỹ thuật (Specification):

- Công suất (Capacity): 2 T/hr
- Áp suất thiết kế (Design pressure): 10 bar
- Áp suất làm việc max (Working pressure): 6 bar
- Công dụng (Purpose): Cung cấp hơi bão hòa

Lắp đặt (Testing Site): Khu phố 2, Phường Long Phước,

Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đã được kiểm định định kỳ **đạt yêu cầu** theo biên bản kiểm định số 16098/01/IST, ngày 01/4/2025 (Has been periodically inspected to meet the requirements according to the inspection report No. 16098/04/IST, dated 01/4/2025)

Tem kiểm định số (Inspection seal): 016098

Thời hạn kiểm định lần tới (Expire date): 01/4/2027



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN (Approval)



GIÁM ĐỐC

Ths. Cao Trọng Diễm

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
(CERTIFICATE OF INSPECTION)

Số (Nº):	16098 /ST
----------	-----------

Tổ chức (User): **CÔNG TY TNHH SX TM KHÁNH MY**
Trụ sở chính (Head office): Khu phố 2, Phường Long Phước,
Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đối tượng kiểm định (Object): **BÌNH CHỊU ÁP LỰC**

Mã hiệu (Model): DT-2000Đ
Số nhận dạng (Serial): CC201-1354
Năm chế tạo (Date): 2010
Nhà chế tạo (M.N.F.T): Tân Quốc Dũng - VN
Đặc tính kỹ thuật (Specification):

- Áp suất thiết kế (Design Press.): 10 kG/cm²
- Áp suất làm việc (Work. Press.): ≤ 8,0 kG/cm²
- Dung tích (Capacity): 2000 lít
- Nhiệt độ làm việc (Working temperature): ≤ 50°C
- Công dụng (Uses): Chứa và cung cấp khí nén

Lắp đặt (Testing Site): Khu phố 2, Phường Long Phước,
Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đã được kiểm định định kỳ **đạt yêu cầu** theo biên bản kiểm định số 16096/04/IST, ngày 01/4/2025 (Has been periodically inspected to meet the requirements according to the inspection report N°. 16096/04/IST, dated 01/4/2025)

Tem kiểm định số (Inspection seal): 016096

Thời hạn kiểm định lần tới (Expire date): Ngày 01/4/2027



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN (Approval)



GIÁM ĐỐC

Ths. Cao Trọng Diễm

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
(CERTIFICATE OF INSPECTION)

Số (Nº):

16096 /IST

Tổ chức (User): **CÔNG TY TNHH SX TM KHÁNH MY**
Trụ sở chính (Head office): Khu phố 2, Phường Long Phước,
Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đối tượng kiểm định (Object): **BÌNH CHỊU ÁP LỰC**

Mã hiệu (Model): HANKAN – 1500L

Số nhận dạng (Serial): 03029

Năm chế tạo (Date): 2022

Nhà chế tạo (M.N.F.T): Hoàng Khang - VN

Đặc tính kỹ thuật (Specification):

- Áp suất thiết kế (Design Press.): 10 kG/cm²
- Áp suất làm việc (Work. Press.): ≤ 8,0 kG/cm²
- Dung tích (Capacity): 1500 lít
- Nhiệt độ làm việc (Working temperature): ≤ 50°C
- Công dụng (Uses): Chứa và cung cấp khí nén

Lắp đặt (Testing Site): Khu phố 2, Phường Long Phước,
Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước

Đã được kiểm định định kỳ **đạt yêu cầu** theo biên bản kiểm định số 16097/04/IST, ngày 01/4/2025 (Has been periodically inspected to meet the requirements according to the inspection report No. 16097/04/IST, dated 01/4/2025)

Tem kiểm định số (Inspection seal): 016097

Thời hạn kiểm định lần tới (Expire date): Ngày 01/4/2027



TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN (Approval)



GIÁM ĐỐC

Ths. Cao Trọng Diễm

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH
(CERTIFICATE OF INSPECTION)

Số (Nº):	16097/IST
----------	-----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 01/2024/KM-LD

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của QH nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của QH nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 01 Tháng 01 năm 2024, tại CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU LƯU DANH, Chúng tôi gồm:

Bên A: (Bên bán) CÔNG TY TNHH MTV SX TM KHÁNH MY

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Phố 2, P. Long Phước, TX Phước Long, T. Bình Phước, Việt Nam.
- Mã số thuế: 3800368327
- Tài khoản số: 050003766516 Ngân hàng : Sacombank – PGD Phước Long.
- Đại diện là: Dương Thị Ngọc Dung Chức vụ: Giám Đốc

Bên B: (Bên mua) CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU LƯU DANH

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Bình Giang 1, Phường Sơn Giang, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- Mã số thuế: 3800515941
- Đại diện là: Lưu Thế Sơn Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung công việc giao dịch

- Hàng hóa: Bên A bán cho bên B vỏ hạt điều.
- Số lượng : Theo nhu cầu hai bên Mua – Bán và số lượng hàng nhập dựa trên phiếu cân của bên mua.
- Chất lượng:
 - + Bên A đảm bảo chất lượng đúng là vỏ hạt điều, không lẫn tạp chất khác (Bên B có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng không đạt chất lượng theo yêu cầu).
 - + Độ ẩm vỏ hạt điều không quá 15%, nếu độ ẩm không đảm bảo thì bên B sẽ tiến hành đem mẫu đi text và có quyền từ chối nhận hàng nếu không đạt chất lượng theo yêu cầu.
- Đơn giá: Giá cả được xác định theo từng thời điểm và được hai bên đồng ý điều chỉnh khi giá thị trường thay đổi.

Điều 2: Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận: Tại kho Bên A.



- Điều kiện giao nhận: Theo thỏa thuận của hai bên thông qua điện thoại, fax hoặc email. Nếu có bất kỳ gì thay đổi phải thông báo cho bên Bán/ Mua trong vòng 5 - 7 ngày làm việc.
- Thời gian nhận hàng: Theo từng đơn hàng
- Phương thức giao nhận: Xe bên B sẽ nhận hàng tại bên A, sau khi nhận hàng 2 bên tiến hành cân xe xác định lượng hàng làm cơ sở để bên B thanh toán tiền hàng cho bên A.

Điều 3: Phương thức thanh toán

- Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản.
- Căn cứ vào lượng hàng đã giao nhận trong kỳ, Bên A sẽ xuất hóa đơn GTGT của lượng hàng đó cho bên B. Bên B phải thanh toán cho bên A 100% giá trị hóa đơn.

Điều 4: Trách nhiệm mỗi bên:

4.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng đảm bảo tính hợp pháp, chất lượng, khối lượng và đúng tiến độ giao hàng được quy định trong Hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Thanh toán cho Bên A theo đúng quy định tại Điều 3.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của bên B theo quy định tại hợp đồng này.
- Nhận hàng theo đúng tiến độ Bên B thông báo.

Điều 5: Thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng:

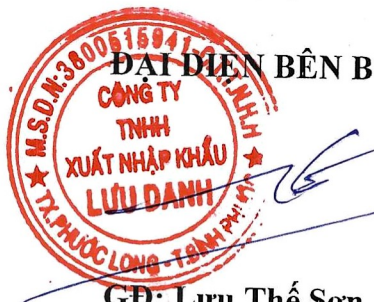
- Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề gì bất lợi phát sinh các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và tích cực thỏa thuận.
- Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết theo nguyên tắc thương lượng. Trường hợp các bên không tự giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra tòa án tỉnh Bình Phước. Bên thua kiện chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan.

Điều 6: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật về hợp đồng kinh tế hiện hành.
- Bất kỳ sửa đổi và/hoặc bổ sung nào vào hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có chữ ký của cả hai bên.
- Hợp đồng và các văn bản liên quan đến hợp đồng này được ký bản chính (bản gốc) hay ký qua fax đều có giá trị pháp lý như nhau và ràng buộc đối với hai bên.
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.
- Hợp đồng này được làm thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.



GĐ: Dương Thị Ngọc Dung



GĐ: Lưu Thế Sơn

HỢP ĐỒNG THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 000500/2025/CGQ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội khóa 13 kỳ họp thứ 10 ban hành ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được ban hành ngày 14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường và Thông tư 07/2025 /TT-BTNMT ký ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT;
- Căn cứ Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý số: 141/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường (nay đổi thành Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường) cấp ngày 27/02/2025;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 04 năm 2025, chúng tôi gồm có:

BÊN A: (Chủ xử lý)

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ**

Địa chỉ : Ấp Phước Tân, Xã Tân Phước, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Địa chỉ VPĐD: 29/5 Nguyễn Văn Quá, KP 6, P. Tân Hưng Thuận, Q.12, TPHCM

Điện thoại : 0769 000 769 hoặc (+84 769 000 769)

Mã số thuế : 3800743345

Số tài khoản : 55 999 55 999 – Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Bắc Sài Gòn

Đại diện : Ông **LÊ VĂN TÙNG**

Chức vụ: Phó Giám Đốc

BÊN B: (Chủ nguồn thải)

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH MY**

Địa chỉ : Khu phố 2, Phường Long Phước, TX. Phước Long , Tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 0985132142

Mã số thuế : 3800368327

Đại diện : Bà **DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG**

Chức vụ: Giám đốc



Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất và đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 Bên B đồng ý thuê và Bên A đồng ý nhận thực hiện những dịch vụ sau: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường (sau đây gọi tắt là “**Chất thải**”) phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B.
- 1.2 Bên A sẽ xử lý các loại chất thải Giấy phép Môi trường số: 141/GPMT-BTNMT tại nhà máy của Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý, địa chỉ: Ấp Phước Tân - Xã Tân Phước - huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 2.1 Khi có nhu cầu thu gom chất thải, Bên B thông báo trước cho Bên A ít nhất 48 giờ (trừ ngày thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ lễ), bằng một trong các hình thức như: fax, email, điện thoại... Nội dung thông báo phải nêu rõ khối lượng chất thải để Bên A chuẩn bị loại xe có tải trọng phù hợp và kế hoạch thực hiện công việc thu gom chất thải. Sau khi Bên A nhận được thông báo từ Bên B, Bên A có trách nhiệm xác nhận lại cho Bên B bằng các hình thức tương ứng.
- 2.2 Bên A thực hiện thu gom chất thải tại vị trí chứa chất thải tập trung của Bên B
- Địa chỉ thu gom: Khu Phố 2, Phường Long Phước, Thị Xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước
- 2.3 Tại địa điểm giao nhận chất thải, hai bên tiến hành lập biên bản bàn giao khối lượng chất thải thực tế của Bên B và đại diện của hai bên ký xác nhận biên bản giao nhận.
- 2.4 Sau khi được Bên B bàn giao, Bên A tiến hành vận chuyển chất thải về địa điểm lưu trữ và xử lý chất thải của Bên A tại địa chỉ nhà máy: Ấp Phước Tân - Xã Tân Phước - huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ, DANH MỤC CHẤT THẢI, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Đơn giá và Danh mục chất thải được xử lý.

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn giá (vnd/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	
2	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 01 01	
3	Mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 01	

4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	12.960.000
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02	
7	Dầu động cơ gốc khoáng thải không có clo	Lỏng	17 02 02	
8	Dầu động cơ tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	
9	Các loại dầu động cơ thải khác	Lỏng	17 02 04	
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	19 10 01	
Tổng cộng tiền				12.960.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng				
Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng				

❖ **Ghi chú:**

- ✓ Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý.
- ✓ Trường hợp mức thuế suất có thay đổi trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai Bên sẽ tuân thủ mức thuế suất theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- ✓ Tần suất thu gom: 1 lần /năm
- ✓ Khối lượng thu gom tối đa: 600kg/năm. Nếu khối lượng vượt 600kg/năm thì đơn giá được tính đồng nhất là 8.640 VNĐ/kg đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3.2. Phương Thức Thanh Toán: chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt

3.2.1. Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A trong vòng 05 ngày sau khi hợp đồng được ký kết.

3.2.2. Hình Thức Thanh Toán

- Đồng tiền thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).
- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm và nghĩa vụ bên A:

- 4.1.1 Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- 4.1.2 Bên A thu gom chất thải của bên B, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý của bên A, (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước. Nếu bên A không tuân thủ theo các quy định mà gây ra tác hại về môi trường, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm liên quan.
- 4.1.3 Bên A bố trí thời gian nhận chất thải theo yêu cầu của bên B.

- 4.1.4 Phối hợp cùng bên B trong việc xác nhận khối lượng chất thải và ký xác nhận vào các biên bản giao nhận để làm cơ sở thanh toán.
- 4.1.5 Chất thải sau khi chở ra khỏi cổng bên B thì bên A phải chịu mọi trách nhiệm về mặt pháp lý của pháp luật hiện hành.
- 4.1.6 Bên A chịu trách nhiệm xác nhận và hoàn trả các liên chứng từ chất thải cho bên B, sau khi hoàn thành việc xử lý theo đúng quy định và mẫu chứng từ hiện hành của Bộ Nông nghiệp & Môi trường ban hành.

4.2 Trách nhiệm và nghĩa vụ Bên B:

- 4.2.1 Cam kết thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như được nêu trong hợp đồng.
- 4.2.2 Bên B phải cung cấp các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu và đảm bảo tính chính xác của thông tin. Cung cấp thông tin người phụ trách của Bên B (Họ tên, số điện thoại, email) cho Bên A để tiện việc trao đổi liên lạc khi thu gom.
- 4.2.3 Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải. Toàn bộ chất thải của bên B phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt có dán tên và mã số chất thải theo quy định pháp luật hiện hành. Không được để lẫn các chất thải khác ngoài danh mục hợp đồng, không được rò rỉ ra bên ngoài. Thiết bị lưu trữ chất thải do bên B chịu trách nhiệm. Khi thu gom bên A không hoàn trả lại thiết bị lưu trữ.
- 4.2.4 Bên B tạo điều kiện cho Bên A trong quá trình thu gom chất thải, hỗ trợ phương tiện nâng hàng lên xe tải của Bên A (nếu có).
- 4.2.5 Không giao cho Bên A các loại chất thải ngoài danh mục trong hợp đồng đã thỏa thuận.
- 4.2.6 Cam kết thanh toán đầy đủ đúng hạn cho Bên A như đã nêu trong **Điều 3** của Hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.
- 5.2** Nếu một trong hai bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thì bên có nhu cầu chấm dứt Hợp đồng phải thông báo cho bên còn lại bằng văn bản và nêu rõ lý do trước 30 ngày.
- 5.3** Nếu một trong hai bên muốn điều chỉnh nội dung Hợp đồng này thì cần có sự đồng ý của hai bên bằng văn bản và chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên và nội dung điều chỉnh được thể hiện trong Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng và có hiệu

lực như Hợp đồng chính. Nếu Phụ lục bổ sung Hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong Hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong Hợp đồng chính đã được sửa đổi.

- 5.4** Trong trường hợp bất khả kháng như: chiến tranh, bão lụt, động đất, chính sách quốc gia... nằm ngoài khả năng kiểm soát của mỗi bên mà hợp đồng không thực hiện được thì các bên phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia trong vòng 05 ngày và các bên sẽ được miễn trách nhiệm thực hiện hợp đồng.
- 5.5** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu hai bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại địa phận mà bên A đặt trụ sở để giải quyết. Phán xét của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 6.1** Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Nếu hai Bên không tiếp tục ký phụ lục gia hạn thì Hợp đồng này được xem là tự động thanh lý trong trường hợp hai bên đã hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều khoản của hợp đồng.
- 6.2** Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp giữa hai bên (nếu có).

ĐẠI DIỆN BÊN B



DƯƠNG THỊ NGỌC DUNG

Dương Thị Ngọc Dung

ĐẠI DIỆN BÊN A



LÊ VĂN TÙNG



VIMCERTS
308



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Trụ sở: 54E, Đường 18, KP.3, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. HCM
Phòng TN: 33A/4, Đường 12, KP.2, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP. HCM
ĐT: (028) 6650 5455 - 0933.603.356 - E-mail: moitruongvietnam@dautumoitruong.com.vn
Website: www.dautumoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: VN240700095.01-02

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2024

- Đơn vị yêu cầu: Công ty TNHH MTV Khánh My
- Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH MTV Khánh My
- Địa chỉ: Khu phố 2, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: B.P Quan Trắc - Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam
- Kế hoạch lấy mẫu: Theo phiếu yêu cầu lấy mẫu số 95/110724XN ký ngày 11/07/2024
- Ngày lấy mẫu: 13/07/2024
- Điều kiện môi trường lấy mẫu: Công ty hoạt động bình thường
- Loại mẫu: Không khí
- Ngày nhận mẫu: Số lượng mẫu: 02
- Ký hiệu mẫu: Ngày thử nghiệm: 13/07/2024 - 20/07/2024

Mã số mẫu	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện môi trường	Phương pháp lấy mẫu
KK1	Không khí	Khu vực cổng ra vào (X: 1306726; Y: 629780)	Đảm bảo điều kiện lấy mẫu	TCVN 7878-2:2010 TCVN 5067:1995 TCVN 6137:2009 TCVN 5971:1995 SOP.VNCETA.PT07 QCVN46:2012/BTNMT
KK2	Không khí	Khu vực xưởng sản xuất (X: 1306715; Y: 629765)	Đảm bảo điều kiện lấy mẫu	

11. Kết quả thử nghiệm:

Bảng1: Kết quả không khí xung quanh

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK1	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	30,5	—
2	Độ ẩm tương đối ^(a)	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	55	—



MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK1	
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,5	—
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	63	6h – 21h: 70 ⁽¹⁾
5	Tổng bụi lơ lửng ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	150	300
6	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	140	350
7	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	130	200
8	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP.VIECA.PT21	3010	30.000

Bảng 2: Kết quả không khí tại khu vực làm việc

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 26:2016/BYT
				KK2	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	31,3	18 – 32
2	Độ ẩm tương đối ^(a)	%RH	QCVN 46:2012/BTNMT	59	40 – 80
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4	0,2 - 1,5
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2010	65	≤ 85 ⁽²⁾
5	Tổng bụi lơ lửng ^(a)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,20	8,0 ⁽³⁾
6	SO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,21	5,0 ⁽⁴⁾
7	NO ₂ ^(a)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,19	5,0 ⁽⁴⁾
8	CO ^(a)	mg/m ³	SOP.VIECA.PT21	4,35	20 ⁽⁴⁾



MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG LÀ UY TÍN

Ghi chú:

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm. Mọi thông tin trên phiếu kết quả được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Hết thời hạn lưu mẫu Công ty TNHH Đầu tư và Môi trường Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
2. ^(a): Các chỉ tiêu đã được chứng nhận Vincerts 308.
3. QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
4. QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
5. ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
6. ⁽²⁾: QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
7. ⁽³⁾: QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
8. ⁽⁴⁾: QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
9. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh; 05 ngày làm việc kể từ ngày trả kết quả đối với các mẫu còn lại.
10. KPH: Không phát hiện.
11. Phòng TN thay đổi đến địa chỉ 37 Đường số 10, Khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 09/12/2023.

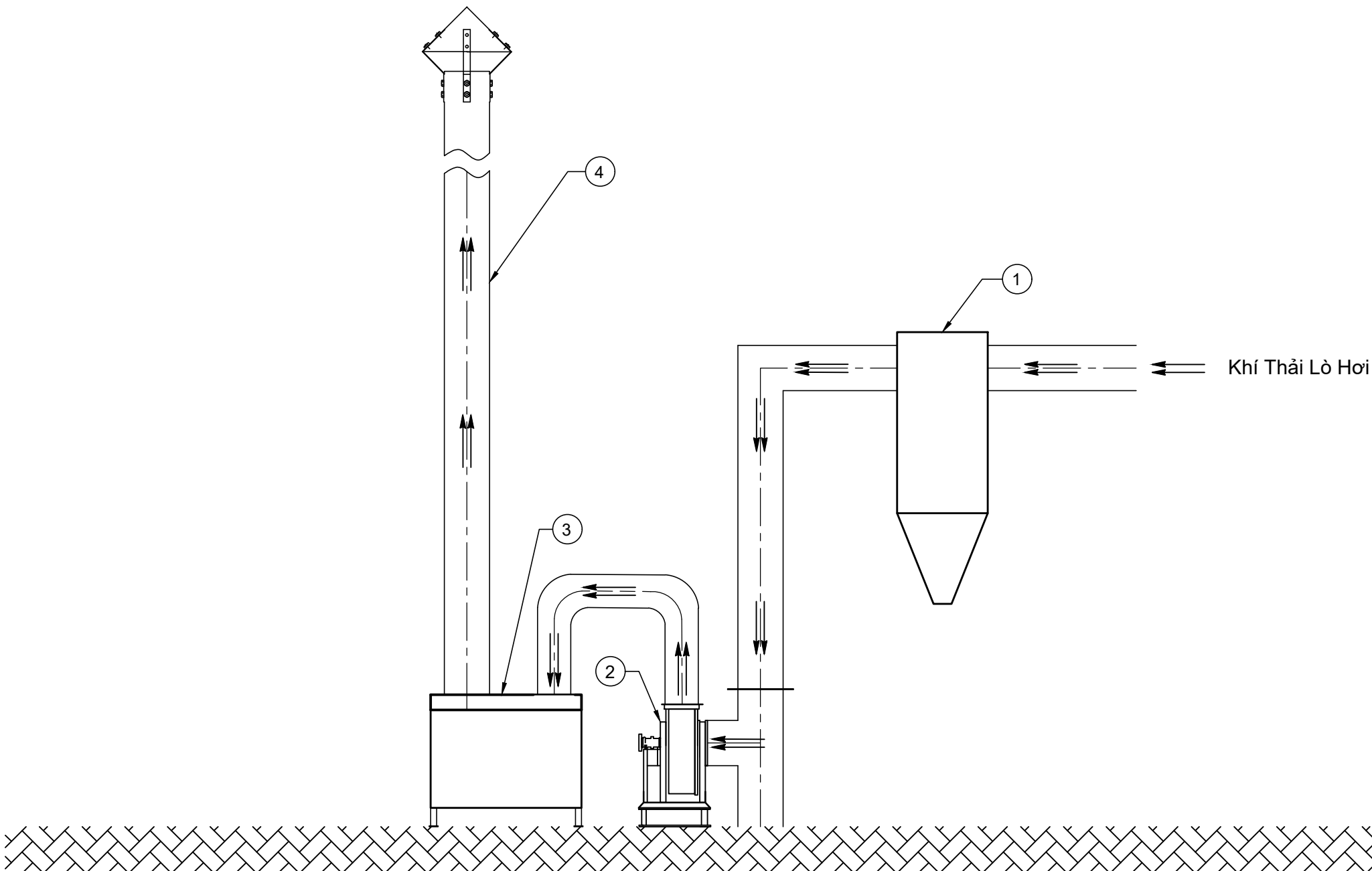
Phụ trách phòng thử nghiệm

Võ Tấn Lợi

Giám Đốc



Tô Thị Hằng



① CYCLONE THU BỤI

④ ỐNG KHÓI

② QUẠT HÚT

③ BỒN CHỨA DUNG DỊCH HẤP THỤ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR:		
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☒ PRELIMINARY		
THIẾT KẾ THI CÔNG ☐ CONSTRUCTION		
THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH ☐ MODIFIED		
HOÀN CÔNG ☐ AS-BUILT		
CHỈNH SỬA/REVISION:	NGƯỜI CHỈNH/REVISED BY:	
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR :		
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH MY		
ĐC trụ sở chính: KHU PHỐ 2, PHƯỜNG LONG PHƯỚC, THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TRÌNH / PROJECT :		
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI KHÁNH MY		
ĐC: KHU PHỐ 2, PHƯỜNG LONG PHƯỚC, THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC		
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE :		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI		
VẼ / DRAWN BY:		
SỐ DỰ ÁN / JOB NO.:	TL / SCALE :	HC / REV:
NGÀY / DATE:	SỐ BẢN VẼ / DWG NO.:	
06.05.2025	1/1	